

## PHỤ LỤC SỐ 02

BẢNG GIÁ ĐẤT Ở GIAI ĐOẠN 2020-2024 THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN  
(Kèm theo Quyết định số: 46/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

### 1. Giá đất ở tại đô thị, giá đất ở tại nông thôn bám các trục đường giao thông

Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>

| STT | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                            | Mức giá |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| I   | <b>ĐƯỜNG ĐỘI CÁN (Từ đảo tròn Trung tâm qua Quảng trường Võ Nguyên Giáp đến đường Bến Tượng)</b> |         |
| 1   | Toàn tuyến                                                                                       | 36.000  |
|     | <b>Trục phụ</b>                                                                                  |         |
| 1   | Rẽ cạnh nhà thi đấu thể thao tỉnh Thái Nguyên, vào 100m                                          | 8.400   |
| II  | <b>ĐƯỜNG HOÀNG VĂN THỤ (Từ đảo tròn Trung tâm đến đường sắt Hà Thái)</b>                         |         |
| 1   | Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã tư phố Nguyễn Đình Chiểu và đường Chu Văn An                       | 36.000  |
| 2   | Từ ngã tư phố Nguyễn Đình Chiểu và đường Chu Văn An đến đảo tròn Đồng Quang                      | 34.000  |
| 3   | Từ đảo tròn Đồng Quang đến đường sắt Hà Thái                                                     | 24.000  |
|     | <b>Trục phụ</b>                                                                                  |         |
| 1   | Ngõ số 2: Rẽ cạnh Khách sạn Thái Nguyên gặp đường Phủ Liễn (cạnh Viettel Thái Nguyên)            | 10.800  |
| 2   | Ngõ số 60: Rẽ cạnh Trường Mầm non 19/5 đi gặp ngõ số 2, cạnh Viettel Thái Nguyên                 | 10.200  |
| 3   | Ngõ số 62: Rẽ cạnh Trung tâm Tài chính thương mại FCC Thái Nguyên đến gặp đường Phủ Liễn         | 10.800  |
| 4   | Ngõ số 31: Rẽ cạnh hàng rào Công ty Điện lực Thái Nguyên                                         |         |
| 4.1 | Từ đường Hoàng Văn Thụ, vào 100m                                                                 | 9.000   |
| 4.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                | 6.600   |
| 5   | Các đường trong khu dân cư Phủ Liễn II thuộc tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ                         | 9.000   |
| 6   | Ngõ số 375: Rẽ đến Trạm T12 (cạnh đường sắt Hà Thái)                                             | 4.200   |
| 7   | Rẽ qua cổng Sở Giao thông Vận tải đến gặp đường Ga Thái Nguyên                                   | 6.600   |
| III | <b>ĐƯỜNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (Từ đảo tròn Trung tâm đến đảo tròn Gang Thép)</b>                  |         |
| 1   | Từ đảo tròn Trung tâm đến Điện lực thành phố Thái Nguyên                                         | 24.000  |
| 2   | Từ Điện lực thành phố Thái Nguyên đến đường Phan Đình Phùng                                      | 21.600  |
| 3   | Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất Ban Chỉ huy Quân sự thành phố (gặp ngõ số 226)              | 18.000  |
| 4   | Từ hết đất Ban Chỉ huy Quân sự thành phố đến ngã 4 rẽ phố Xương Rồng                             | 14.400  |
| 5   | Từ ngã 4 rẽ phố Xương Rồng đến ngã ba Gia Sàng (gặp đường Bắc Nam)                               | 12.000  |
| 6   | Từ ngã ba Gia Sàng (gặp đường Bắc Nam) đến ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu                               | 10.800  |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                    | Mức giá |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7    | Từ ngã ba rẽ dốc Chọi Trâu đến ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A                            | 8.400   |
| 8    | Từ ngã tư rẽ đường Đồng Tiến và khu tập thể Cán A đến Cầu Loàng                                          | 7.700   |
| 9    | Từ Cầu Loàng đến đường sắt đi Kép                                                                        | 6.600   |
| 10   | Từ đường sắt đi Kép đến đảo tròn Gang Thép                                                               | 12.000  |
|      | <b>Trục phụ</b>                                                                                          |         |
| 1    | Ngõ số 2: Rẽ theo hàng rào Sở Công Thương (cũ) đến chân đồi Kô Kê (cũ)                                   |         |
| 1.1  | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                   | 6.000   |
| 1.2  | Qua 100m đến 200m về 2 phía                                                                              | 5.500   |
| 1.3  | Qua 200m đến 400m (có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ )                                               | 4.000   |
| 2    | Rẽ phố Đầm Xanh: Theo hàng rào Bưu điện tỉnh Thái Nguyên đến đường Minh Cầu                              |         |
| 2.1  | Từ đường Cách mạng tháng Tám đến khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng                                 | 5.000   |
| 2.2  | Từ hết khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng đến đường Minh Cầu                                        | 4.000   |
| 2.3  | Các nhánh rẽ trên trục phụ, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ , vào 150m                             | 3.500   |
| 3    | Ngõ số 38: Rẽ đối diện Công an tỉnh Thái Nguyên                                                          |         |
| 3.1  | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                   | 4.500   |
| 3.2  | Qua 100m đến 250m                                                                                        | 4.000   |
| 4    | Ngõ số 70: Vào 150m                                                                                      | 4.000   |
| 5    | Ngõ số 90: Đối diện đường Nguyễn Du, vào 150m                                                            | 4.500   |
| 6    | Ngõ số 132: Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 2 phía 100m                                                | 4.000   |
| 7    | Ngõ số 136: Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                       | 4.000   |
| 8    | Rẽ cạnh số nhà 109, vào 100m                                                                             | 4.000   |
| 9    | Ngõ số 226: Rẽ cạnh Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thái Nguyên vào hết đất Thư viện thành phố Thái Nguyên | 4.500   |
| 10   | Ngõ số 197: Rẽ đến hết Trường Tiểu học Nha Trang                                                         | 4.500   |
| 11   | Ngõ số 242: Rẽ khu dân cư Viện Kiểm sát nhân dân thành phố cũ, vào 100m                                  | 4.500   |
| 12   | Ngõ số 248: Rẽ Ban Kiến thiết Sở Thương mại cũ, vào 100m                                                 | 4.500   |
| 13   | Ngõ số 235: Rẽ theo hàng rào Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị thành phố Thái Nguyên, vào 100m               | 4.500   |
| 14   | Ngõ số 300: Rẽ khu dân cư Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị, vào 150m                                    | 4.500   |
| 15   | Ngõ số 309: Rẽ từ Trạm xăng dầu số 10, vào 100m                                                          | 4.500   |
| 16   | Ngõ số 428: Rẽ vào đến cổng Đền Xương Rồng                                                               | 4.200   |
| 17   | Ngõ số 451                                                                                               |         |
| 17.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                   | 4.000   |
| 17.2 | Qua 100 đến 250m                                                                                         | 3.000   |
| 18   | Ngõ cạnh số nhà 429                                                                                      |         |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                  | Mức giá |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 18.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 4.000   |
| 18.2 | Qua 100 đến 250m                                                                                                       | 3.000   |
| 19   | Ngõ số 479: Rẽ vào xóm Xưởng đậu cũ, phường Gia Sàng                                                                   |         |
| 19.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào đến ngã ba                                                                           | 3.800   |
| 19.2 | Từ ngã ba đi tiếp 200m về 2 phía                                                                                       | 3.400   |
| 20   | Ngõ số 536                                                                                                             |         |
| 20.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 3.800   |
| 20.2 | Từ qua 100m đến 300m                                                                                                   | 2.600   |
| 21   | Ngõ số 728: Rẽ theo hàng rào chợ Gia Sàng                                                                              |         |
| 21.1 | Trục chính vào 100m                                                                                                    | 3.800   |
| 21.2 | Qua 100m đến 250m                                                                                                      | 2.600   |
| 22   | Ngõ số 557: Rẽ khu dân cư số 1, phường Gia Sàng                                                                        |         |
| 22.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 5.400   |
| 22.2 | Qua 100m đến hết đất khu dân cư số 1, phường Gia Sàng                                                                  | 4.200   |
| 22.3 | Các đường nhánh trong khu dân cư số 1, phường Gia Sàng đã xây dựng xong hạ tầng, đường rộng $\geq 9m$                  | 3.400   |
| 22.4 | Các đường nhánh trong khu dân cư số 1, phường Gia Sàng đã xây dựng xong hạ tầng, đường rộng $\geq 3,5m$ , nhưng $< 9m$ | 2.700   |
| 23   | Ngõ số 604: Rẽ vào tổ dân phố số 16, phường Gia Sàng (dốc Chọi Trâu)                                                   |         |
| 23.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 3.400   |
| 23.2 | Qua 100m đến giáp đất quy hoạch khu dân cư số 9, phường Gia Sàng                                                       | 2.400   |
| 23.3 | Từ hết đất khu dân cư số 9, phường Gia Sàng đến đường Thanh niên xung phong, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$          | 1.800   |
| 24   | Ngõ số 673: Rẽ vào Nhà Văn hóa tổ 4, phường Gia Sàng                                                                   |         |
| 24.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 2.400   |
| 24.2 | Qua 100m đến 300m                                                                                                      | 2.000   |
| 25   | Rẽ khu dân cư số 9, phường Gia Sàng                                                                                    |         |
| 25.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 450m (trục chính)                                                                    | 6.500   |
| 25.2 | Các đường quy hoạch còn lại đã xong hạ tầng                                                                            | 5.200   |
| 26   | Ngõ số 728: Rẽ vào Trường Trung học cơ sở Gia Sàng                                                                     |         |
| 26.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                                 | 2.700   |
| 26.2 | Qua 100m đến gặp trục phụ rẽ từ ngõ số 604 (dốc Chọi Trâu)                                                             | 2.200   |
| 27   | Ngõ số 756: Rẽ vào khu tập thể cán A                                                                                   |         |
| 27.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào đến hết đất Khách sạn Hải Âu                                                         | 3.600   |
| 27.2 | Từ hết đất Khách sạn Hải Âu vào 100m tiếp theo                                                                         | 2.700   |
| 27.3 | Các trục ngang trong khu tập thể cán A có mặt đường rộng $\geq 5m$                                                     | 2.200   |
| 28   | Ngõ số 779: Đi Trại Bàu (đối diện ngõ số 756)                                                                          |         |

| STT    | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                              | Mức giá |
|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 28.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                             | 2.700   |
| 28.2   | Qua 100m đến 300m                                                                                  | 2.200   |
| 29     | Ngõ số 800: Vào 100m, có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$                                             | 2.400   |
| 30     | Ngõ số 837: Rẽ khu tập thể Xí nghiệp Bê tông cũ                                                    |         |
| 30.1   | Vào 100m                                                                                           | 2.200   |
| 30.2   | Qua 100m đến 250m                                                                                  | 1.800   |
| 31     | Ngõ số 933: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp tư nhân Hoa Thiết (Cam Giá), vào 100m                    | 2.200   |
| 32     | Ngõ rẽ đi Nhà Văn hóa tổ 4, phường Cam Giá, vào 100m                                               | 2.700   |
| 33     | Ngõ số 997: Rẽ tổ dân phố số 1, phường Cam Giá, vào 100m                                           | 2.200   |
| 34     | Ngõ số 71: Rẽ tổ dân phố số 2, phường Cam Giá, vào 100m                                            | 1.800   |
| 35     | Đường đê Cam Giá đi cầu Ba Đa                                                                      |         |
| 35.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                             | 3.000   |
| 35.2   | Qua 100m đến 200m                                                                                  | 2.200   |
| 35.3   | Qua 200m đến cổng Nhà máy Tẩm lợp Amiăng                                                           | 1.600   |
| 36     | Ngõ số 950: Rẽ vào Nhà Văn hóa tổ 1, phường Phú Xá                                                 |         |
| 36.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                             | 1.800   |
| 36.2   | Qua 100m đến 250m                                                                                  | 1.500   |
| 37     | Đoạn đường Cách mạng tháng Tám cũ (qua dốc nguy hiểm) gặp đường Cách mạng tháng Tám mới            |         |
| 37.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám mới đến đường sắt vào Kho 3 mái cũ                                    | 3.000   |
| 37.2   | Từ đường sắt vào Kho 3 mái cũ qua dốc Nguy hiểm đến đường Cách mạng tháng Tám (mới)                | 2.400   |
| 37.3   | Ngõ rẽ vào Nhà máy Tẩm lợp Amiăng Thái Nguyên (cơ sở 4)                                            |         |
| 37.3.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám (cũ) đến cổng Nhà máy Tẩm lợp Amiăng Thái Nguyên (cơ sở 4)            | 1.800   |
| 37.3.2 | Từ cổng Nhà máy Tẩm lợp Amiăng Thái Nguyên (cơ sở 4) đến hết khu dân cư                            | 1.200   |
| 38     | Ngõ số 88/1: Rẽ khu tập thể đường sắt (phường Phú Xá)                                              |         |
| 38.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 150m                                                             | 1.500   |
| 38.2   | Qua 150m đến hết khu tập thể đường sắt                                                             | 1.200   |
| 39     | Ngõ số 236/1: Đối diện trạm cân Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên (phường Phú Xá)              |         |
| 39.1   | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                             | 1.800   |
| 39.2   | Qua 100m đến gặp đường sắt đi Kép                                                                  | 1.200   |
| 40     | Ngõ số 3: Rẽ cạnh Trường Mầm non Quốc tế Marie Curie vào tổ dân phố số 4, phường Cam Giá, vào 150m | 2.400   |
| 41     | Rẽ đến cổng Văn phòng Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên                                        | 4.800   |
| 42     | Ngõ số 266/1: Rẽ từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt đi Kép                                 | 1.800   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                          | Mức giá |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 43   | Ngõ số 209/1: Rẽ vào đồi bia (cũ)                                                                              |         |
| 43.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào đến ngã ba thứ 2                                                             | 2.400   |
| 43.2 | Từ ngã ba thứ 2 đi 2 hướng + 200m                                                                              | 1.500   |
| 44   | Rẽ vào xóm cửa hàng rau cũ (qua đường Phố Hương), từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến ngã 3                   | 3.600   |
| 45   | Rẽ sau Liên đoàn địa chất Đông Bắc đến gặp đường Phố Hương                                                     | 3.600   |
| 46   | Ngõ số 474/1: Từ đường Cách mạng tháng Tám đến cổng phụ chợ Dốc Hanh                                           | 4.800   |
| 47   | Ngõ số 566/1:                                                                                                  |         |
| 47.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 4.800   |
| 47.2 | Qua 100m đến gặp đường Phố Hương                                                                               | 3.600   |
| 48   | Ngõ số 210: Từ đường Cách mạng tháng Tám vào đến cổng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất công nghiệp           | 4.200   |
| 49   | Ngõ rẽ từ số nhà 621/1 (phòng khám số 3 cũ)                                                                    |         |
| 49.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 4.800   |
| 49.2 | Qua 100m gặp sân vận động                                                                                      | 3.000   |
| 50   | Ngõ số 628/1: Rẽ cạnh Liên đoàn Địa chất Đông Bắc đến hết đường                                                | 4.200   |
| 51   | Ngõ số 648/1: Rẽ cạnh kiốt xăng số 7 đến sân vận động Gang Thép                                                |         |
| 51.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 4.800   |
| 51.2 | Qua 100m đến sân vận động Gang Thép                                                                            | 3.400   |
| 52   | Ngõ số 457/1: Rẽ vào khu dân cư Nhà máy Cơ khí (phường Hương Sơn)                                              |         |
| 52.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 3.600   |
| 52.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                              | 2.400   |
| 52.3 | Qua 200m đến 500m và các nhánh khác trong khu dân cư có mặt đường bê tông $\geq 2m$                            | 1.500   |
| 53   | Ngõ số 593/1: Rẽ vào khu dân cư Nhà máy FERO (phường Hương Sơn)                                                |         |
| 53.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 3.600   |
| 53.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                              | 2.400   |
| 53.3 | Đoạn còn lại và các nhánh khác trong khu dân cư Nhà máy FERO (phường Hương Sơn) có mặt đường bê tông $\geq 2m$ | 1.500   |
| 54   | Ngõ số 639/1:                                                                                                  |         |
| 54.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 3.600   |
| 54.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                              | 2.400   |
| 55   | Ngõ số 661/1: Rẽ giáp đất Nhà Văn hóa Gang Thép                                                                |         |
| 55.1 | Từ đường Cách mạng tháng Tám, vào 100m                                                                         | 3.600   |
| 55.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                              | 2.400   |
| IV   | <b>ĐƯỜNG LƯƠNG NGỌC QUYẾN (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngã 3 Bắc Nam, đường Bắc Nam)</b>                             |         |

| STT    | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                             | Mức giá |
|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1      | Từ ngã ba Mỏ Bạch đến ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                        | 21.500  |
| 2      | Từ ngõ số 185 rẽ Sở Giáo dục và Đào tạo đến giáp đất Vincom Thái Nguyên (Bến xe khách Thái Nguyên cũ)                             | 18.000  |
| 3      | Từ đất Vincom Thái Nguyên (Bến xe khách Thái Nguyên cũ) đến ngã ba rẽ phố Trần Đăng Ninh                                          | 24.000  |
| 4      | Từ ngã ba rẽ phố Trần Đăng Ninh đến đường Phan Đình Phùng                                                                         | 20.500  |
| 5      | Từ đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Bắc Nam (ngã 3 Bắc Nam)                                                                    | 17.000  |
|        | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                   |         |
| 1      | Ngõ số 53: Rẽ vào khu dân cư Xây lắp nội thương cũ đến hết đất Thư viện Đại học Sư phạm Thái Nguyên                               | 4.800   |
| 2      | Ngõ số 105: Từ trục chính gặp trục qua cổng Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên                                      | 9.000   |
| 3      | Ngõ số 185: Rẽ vào Sở Giáo dục và Đào tạo đến Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên                                    | 9.000   |
| 4      | Ngõ số 231: Qua Ngân hàng Đầu tư và Phát triển (cũ) gặp đường đi Trung tâm Giáo dục thường xuyên                                  | 8.400   |
| 5      | Trục đường nối 3 ngõ số: 105; 185; 231 qua cổng Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Thái Nguyên                                  | 7.200   |
| 6      | Các ngõ số: 60; 78; 110; 140; 166:                                                                                                |         |
| 6.1    | Trục chính, vào 150m                                                                                                              | 6.600   |
| 6.2    | Qua 150m đến 250m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$                                                                            | 4.800   |
| 7      | Ngõ số 92: (Vào khu dân cư quy hoạch phường Quang Trung), vào 100m                                                                | 4.800   |
| 8      | Ngõ số 220: Rẽ vào khu dân cư Ngân hàng tỉnh cũ vào 100m                                                                          | 4.800   |
| 9      | Ngõ số 297: Rẽ cạnh Phòng Cảnh sát Cơ động, Công an tỉnh Thái Nguyên                                                              | 3.600   |
| 10     | Ngõ số 108: Rẽ vào khu dân cư Lâm sản đi gặp ngõ số 274                                                                           | 4.800   |
| 11     | Ngõ số 274: Rẽ đi gặp ngõ số 256 và ngõ số 108 từ Vincom Thái Nguyên (Bến xe khách Thái Nguyên cũ) vào Trường Tiểu học Thống Nhất | 7.200   |
| 12     | Ngõ số 357: Rẽ đến gặp đường Chu Văn An (đối diện Vincom Thái Nguyên)                                                             | 3.600   |
| 13     | Ngõ số 256: Rẽ cạnh Vincom Thái Nguyên                                                                                            |         |
| 13.1   | Từ đường Lương Ngọc Quyến vào đến hết đất Vincom Thái Nguyên                                                                      | 7.200   |
| 13.2   | Từ giáp đất Vincom Thái Nguyên qua ngã 3, rẽ đến hết Trường Tiểu học Thống Nhất                                                   | 4.800   |
| 13.3   | Từ giáp Trường Tiểu học Thống Nhất qua 150m                                                                                       | 3.600   |
| 13.4   | Từ ngã 3 rẽ Trường Tiểu học Thống Nhất (13.2) rẽ trái đến gặp ngã 3 rẽ khu dân cư số 2, phường Quang Trung                        | 3.600   |
| 13.4.1 | Các nhánh rẽ thuộc đoạn (13.4) có mặt đường bê tông rộng $\geq 2m$ , vào 100m                                                     | 2.400   |
| 14     | Ngõ số 310: Rẽ đối diện Công ty cổ phần Dược và Vật tư Y tế, vào 50m                                                              | 6.000   |
| 15     | Ngõ số 346, vào 50m                                                                                                               | 4.800   |
| 16     | Ngõ số 499: Rẽ theo Bệnh viện Đa khoa trung tâm, vào đến 80m                                                                      | 6.000   |
| 17     | Ngõ số 511: Vào đến phố Đoàn Thị Điểm                                                                                             | 6.000   |

| STT      | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                   | Mức giá |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 18       | Ngõ số 488: Rẽ đến Trường Tiểu học Đồng Quang                                                           | 6.000   |
| 19       | Ngõ số 556, vào 50m                                                                                     | 4.200   |
| 20       | Ngõ số 566: Rẽ vào Chi cục Thủy lợi                                                                     |         |
| 20.1     | Từ trục chính đến hết đất Chi cục Thủy lợi                                                              | 6.000   |
| 20.2     | Từ giáp đất Chi cục Thủy lợi đến 100m tiếp theo                                                         | 5.400   |
| 20.3     | Đường ngang nối từ ngõ số 566 với phố Văn Cao (nối từ số nhà 6 ngõ số 566 đến số nhà 18, phố Văn Cao)   | 4.200   |
| 21       | Ngõ số 603: Đi gặp phố Nguyễn Đình Chiểu                                                                |         |
| 21.1     | Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 đầu tiên                                                            | 4.800   |
| 21.2     | Từ ngã 3 đầu tiên đến gặp phố Nguyễn Đình Chiểu                                                         | 4.200   |
| 22       | Ngõ số 627 vào 100m (nhà khách Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên)                                     | 4.200   |
| 23       | Từ đường Lương Ngọc Quyến (rẽ cạnh Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật) đến Nhà nghỉ Hải Yến          | 3.300   |
| 24       | Ngõ số 723: Rẽ cạnh Hạt kiểm lâm thành phố, vào 150m                                                    | 4.200   |
| 25       | Ngõ số 735: Rẽ vào 50m                                                                                  | 4.200   |
| <b>V</b> | <b>ĐƯỜNG BẾN TƯỢNG (Từ chân cầu Bến Tượng qua cổng Bảo tàng tỉnh đến gặp đường Cách mạng tháng Tám)</b> |         |
| 1        | Từ chân cầu Bến Tượng đến gặp đường Phùng Chí Kiên                                                      | 18.000  |
| 2        | Từ đường Phùng Chí Kiên đến ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng                                             | 15.600  |
| 3        | Từ ngã 6 gặp đường Phan Đình Phùng đến gặp đường Cách mạng tháng Tám                                    | 13.200  |
|          | <b>Trục phụ</b>                                                                                         |         |
| 1        | Đường gom cầu Bến Tượng từ đê Sông Cầu đến chân cầu Bến Tượng                                           | 6.000   |
| 1.1      | Ngõ số 5: Rẽ Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp (cũ)                                                         |         |
| 1.1.1    | Từ đường gom cầu Bến Tượng, vào 100m                                                                    | 4.800   |
| 1.1.2    | Qua 100m đến 250m                                                                                       | 4.200   |
| 1.1.3    | Các đường quy hoạch trong Khu dân cư số 4, phường Trưng Vương                                           | 3.500   |
| 1.2      | Ngõ số 01: Rẽ vào khu dân cư tập thể Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp cũ                                   | 4.800   |
| 1.3      | Ngõ số 19: Vào 100m về 2 phía (giáp Chợ Thái)                                                           | 6.000   |
| 1.4      | Ngõ số 2 rẽ phía sau Nhà thi đấu tỉnh Thái Nguyên vào hết đất khu dân cư tổ 23, phường Trưng Vương      | 4.800   |
| 2        | Ngõ số 29: Vào khu dân cư Cục Thuế tỉnh Thái Nguyên (đến hết hàng rào Bảo tàng tỉnh)                    | 9.000   |
| 3        | Rẽ vào nhà thờ                                                                                          |         |
| 3.1      | Từ đường Bến Tượng, vào 150m                                                                            | 9.000   |
| 3.2      | Qua 150m rẽ đi 2 phía đến 250m                                                                          | 6.600   |
| 4        | Các đường quy hoạch trong khu dân cư tổ 15, tổ 16, phường Trưng Vương                                   | 6.600   |
| 5        | Ngõ số 101; 111; 129: Từ đường Bến Tượng, vào 200m                                                      | 7.200   |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                                  | Mức giá |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6           | Ngõ số 159 rẽ khu dân cư lô 2 Tỉnh ủy đến gặp phố Nhị Quý                                                                              | 6.600   |
| 7           | Ngõ số 253, rẽ vào tổ 16, phường Túc Duyên (giáp cầu Bống Tối), vào 100m                                                               | 5.400   |
| <b>VI</b>   | <b>PHỐ 19/8 (Từ đường Bến Tượng đến đường Nguyễn Du)</b>                                                                               |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 8.000   |
| <b>VII</b>  | <b>PHỐ QUYẾT TIẾN (Từ UBND phường Trưng Vương đến đường Nguyễn Du)</b>                                                                 |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 12.000  |
| <b>VIII</b> | <b>PHỐ CỘT CỜ (Từ đường Bến Oánh đến đường Phùng Chí Kiên)</b>                                                                         |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 12.000  |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                        |         |
| 1           | Rẽ các ngõ số 47; 70 từ phố Cột Cờ, vào 50m                                                                                            | 7.200   |
| <b>IX</b>   | <b>PHỐ NHỊ QUÝ (Từ đường Phùng Chí Kiên đến đường Bến Tượng)</b>                                                                       |         |
| 1           | Từ đường Phùng Chí Kiên đến đất Tỉnh ủy                                                                                                | 6.000   |
| 2           | Từ đất Tỉnh ủy đến chân dốc Tỉnh ủy (cổng cũ)                                                                                          | 5.400   |
| 3           | Từ Chân dốc Tỉnh ủy (cổng cũ) đến đường Bến Tượng                                                                                      | 7.200   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                        |         |
| 1           | Các đường rẽ từ trục chính, vào 100m có đường $\geq 2,5m$                                                                              | 3.300   |
| <b>X</b>    | <b>PHỐ ĐỘI GIÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến Trụ sở khối sự nghiệp UBND thành phố Thái Nguyên)</b>                                 |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 5.000   |
| <b>XI</b>   | <b>PHỐ PHAN BỘI CHÂU (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua Kho bạc Nhà nước tỉnh đến đường Minh Cầu)</b>                                   |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 15.000  |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                        |         |
| 1           | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 5, phường Phan Đình Phùng                                                                      |         |
| 1.1         | Đường rộng $\geq 19,5m$                                                                                                                | 10.000  |
| 1.2         | Đường rộng $\geq 14,5m$ , nhưng $< 19,5m$                                                                                              | 9.000   |
| 1.3         | Đường rộng $\geq 9m$ , nhưng $< 14,5m$                                                                                                 | 8.000   |
| <b>XII</b>  | <b>PHỐ HOÀNG HOA THẨM (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua đường rẽ Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến đến đường Lương Ngọc Quyến)</b> |         |
| 1           | Toàn tuyến                                                                                                                             | 18.000  |
| <b>XIII</b> | <b>PHỐ LƯƠNG ĐÌNH CỬA (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua Sờ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến đường Chu Văn An)</b>                  |         |
| 1           | Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Sờ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                              | 7.000   |
| 2           | Từ cổng Sờ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đến gặp đường Chu Văn An                                                                | 5.000   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                        |         |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                              | Mức giá |
|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1            | Nhánh rẽ phải thứ nhất, vào 100m                                                                                   | 3.600   |
| 2            | Từ cổng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rẽ phải (nhánh rẽ phải thứ 2), vào 150m                             | 3.000   |
| <b>XIV</b>   | <b>PHỐ TRẦN ĐĂNG NINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến cổng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh)</b>                             |         |
| 1            | Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã ba rẽ vào phố Nguyễn Công Hoan                                                   | 8.000   |
| 2            | Từ ngã ba rẽ vào phố Nguyễn Công Hoan đến cổng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Thái Nguyên                                 | 7.000   |
|              | <b>Trục Phụ</b>                                                                                                    |         |
| 1            | Ngõ rẽ từ số nhà 11, đường Trần Đăng Ninh đến số nhà 26 của ngõ số 488, đường Lương Ngọc Quyến                     | 5.000   |
| 2            | Các nhánh rẽ còn lại từ trục chính, vào 50m, có đường bê tông $\geq 3\text{m}$                                     | 4.000   |
| <b>XV</b>    | <b>PHỐ NGUYỄN CÔNG HOAN (Từ phố Trần Đăng Ninh đến đường Phan Đình Phùng)</b>                                      |         |
| 1            | Từ phố Trần Đăng Ninh đến cách đường Phan Đình Phùng 300m (đoạn đường bê tông)                                     | 4.200   |
| 2            | Từ cách đường Phan Đình Phùng 300m đến đường Phan Đình Phùng (đoạn đã xong hạ tầng)                                | 9.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                    |         |
| 1            | Ngõ số 57, 96A từ trục chính, vào 100m                                                                             | 4.000   |
| <b>XVI</b>   | <b>PHỐ VĂN CAO (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến tuyến số 7, khu dân cư số 1, 3, 4, 5, phường Đồng Quang)</b>         |         |
| 1            | Toàn tuyến (đoạn đã xong hạ tầng)                                                                                  | 7.500   |
| <b>XVII</b>  | <b>PHỐ ĐẶNG VĂN NGŨ (Từ phố Nguyễn Đình Chiểu đến đường Lương Ngọc Quyến)</b>                                      |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                                         | 5.500   |
| <b>XVIII</b> | <b>PHỐ NGÔ THỊ SỸ (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến phố Nguyễn Đình Chiểu)</b>                                        |         |
| 1            | Toàn tuyến (đoạn đã xong hạ tầng)                                                                                  | 6.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                    |         |
| 1            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 8, phường Phan Đình Phùng (đoạn đã xong hạ tầng)                           |         |
| 1.1          | Đường quy hoạch rộng $\geq 9\text{m}$                                                                              | 6.000   |
| 1.2          | Đường quy hoạch rộng $< 9\text{m}$                                                                                 | 4.800   |
| <b>XIX</b>   | <b>PHỐ ĐOÀN THỊ ĐIỂM (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến phố Đặng Văn Ngũ)</b>                                          |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                                         | 6.000   |
| <b>XX</b>    | <b>ĐƯỜNG NGUYỄN DU (Từ đường Đội Cấn qua cổng trụ sở UBND thành phố Thái Nguyên đến đường Cách mạng tháng Tám)</b> |         |
| 1            | Từ đường Đội Cấn đến gặp đường Nha Trang                                                                           | 19.200  |
| 2            | Từ đường Nha Trang đến gặp đường Cách Mạng tháng Tám                                                               | 15.600  |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                 | Mức giá |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>XXI</b>    | <b>ĐƯỜNG NHA TRANG (Từ đường Cách Mạng tháng Tám qua cổng trụ sở UBND tỉnh đến đường Bến Tượng)</b>                   |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 20.000  |
| <b>XXII</b>   | <b>ĐƯỜNG HÙNG VƯƠNG (Từ Quảng trường Võ Nguyên Giáp qua rạp chiếu bóng đến đường Bến Tượng)</b>                       |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 18.000  |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                       |         |
| 1             | Các ngõ số: 6; 8; 12: Từ đường Hùng Vương rẽ vào 200m có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                           | 5.400   |
| 2             | Ngõ số 40: Vào Nhà Văn hóa tổ 20, phường Trưng Vương                                                                  | 5.400   |
| <b>XXIII</b>  | <b>ĐƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN (Từ đường Hùng Vương đến đường Phan Đình Phùng)</b>                                           |         |
| 1             | Từ đường Hùng Vương đến gặp đường Bến Tượng                                                                           | 14.400  |
| 2             | Từ đường Bến Tượng đến gặp phố Cột Cờ                                                                                 | 13.200  |
| 3             | Từ phố Cột Cờ đến đường Phan Đình Phùng                                                                               | 8.400   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                       |         |
| 1             | Đoạn nối từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Nha Trang (đối diện Trường Trung học cơ sở Trưng Vương)                | 12.000  |
| 2             | Ngõ số 1, ngõ số 45, vào 100m                                                                                         | 3.600   |
| 3             | Ngõ số 63: Rẽ vào đến hết đất Chùa Đồng Mỗ                                                                            | 4.800   |
| <b>XXIV</b>   | <b>PHỐ NGUYỄN TRUNG TRỰC (Từ đường Túc Duyên qua Cơ quan Thi hành án thành phố Thái Nguyên đến phố Vương Thừa Vũ)</b> |         |
| 1             | Từ đường Túc Duyên đến giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên                                             | 6.600   |
| 2             | Từ giáp đất Cơ quan Thi hành án Thành phố Thái Nguyên đến phố Vương Thừa Vũ                                           | 6.000   |
| <b>XXV</b>    | <b>PHỐ NGUYỄN THÁI HỌC (Từ đường Túc Duyên đi qua Trường Tiểu học Túc Duyên đến phố Vương Thừa Vũ)</b>                |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 6.000   |
| <b>XXVI</b>   | <b>PHỐ VƯƠNG THỪA VŨ (Từ phố Nguyễn Thái Học đến phố Đồng Mỗ)</b>                                                     |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 5.000   |
| <b>XXVII</b>  | <b>PHỐ NGUYỄN TRI PHƯƠNG (Từ phố Nguyễn Thái Học đến đường vào Chùa Đồng Mỗ)</b>                                      |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 5.400   |
| <b>XXVIII</b> | <b>PHỐ ĐỒNG MỖ (Từ đường Phùng Chí Kiên đến phố Vương Thừa Vũ)</b>                                                    |         |
| 1             | Toàn tuyến                                                                                                            | 6.000   |
| <b>XXIX</b>   | <b>ĐƯỜNG BẮC KẠN (Từ đảo tròn Trung tâm đến ngã ba Mỏ Bạch)</b>                                                       |         |
| 1             | Từ đảo tròn Trung tâm đến cầu Gia Bảy                                                                                 | 20.000  |
| 2             | Từ Cầu Gia Bảy đến hết đất Công ty cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Thái Nguyên                                      | 17.000  |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                           | Mức giá |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3          | Từ hết đất Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thái Nguyên đến ngã 3 Mô Bạch                              | 16.000  |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                                 |         |
| 1          | Ngõ số 678: Rẽ theo hàng rào Đội cảnh sát bảo vệ tỉnh đi gặp đường Phủ Liễn                                     | 6.000   |
| 2          | Ngõ số 612: Rẽ vào khu dân cư đôi Két nước (cũ), 2 ngõ, đường $\geq 3,5m$                                       | 6.000   |
| 3          | Ngõ số 432: Rẽ vào khu dân cư cạnh Công ty Cổ phần Tư vấn kiến trúc Quy hoạch xây dựng Thái Nguyên, vào 100m    | 4.800   |
| 4          | Ngõ số 209/1: Rẽ vào cổng Đền Mẫu Thoải                                                                         | 4.800   |
| 5          | Ngõ số 366: Vào tổ văn hóa số 13                                                                                |         |
| 5.1        | Từ đường Bắc Kạn, vào 50m                                                                                       | 5.400   |
| 5.2        | Qua 50m đến 100m                                                                                                | 3.600   |
| 6          | Ngõ số 332: Vào tổ văn hóa số 10                                                                                |         |
| 6.1        | Từ đường Bắc Kạn, vào 100m                                                                                      | 6.000   |
| 6.2        | Qua 100m đến 250m                                                                                               | 4.800   |
| 7          | Ngõ số 330: Rẽ khu dân cư Trường Chính trị tỉnh Thái Nguyên, vào 100m                                           | 6.000   |
| 8          | Ngõ số 290: Từ đường Bắc Kạn, vào 200m                                                                          | 4.800   |
| 9          | Ngõ số 238: Đường rẽ khu dân cư cạnh Trường Trung học Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin Miền Núi (cũ) |         |
| 9.1        | Từ đường Bắc Kạn, vào 100m                                                                                      | 6.000   |
| 9.2        | Qua 100m đến 250m                                                                                               | 4.800   |
| 10         | Ngõ số 236: Rẽ khu dân cư Kho bạc và Xây lắp Nội thương 4                                                       |         |
| 10.1       | Từ đường Bắc Kạn, vào 100m                                                                                      | 6.600   |
| 10.2       | Qua 100m đến 250m                                                                                               | 6.000   |
| 10.3       | Các đoạn còn lại trong khu dân cư quy hoạch có đường rộng $\geq 2,5m$                                           | 4.800   |
| 11         | Ngõ số 1: Rẽ khu tập thể Sở Xây dựng (theo hàng rào Công ty Cổ phần Vận tải số 10) gặp đường goòng cũ           | 4.800   |
| 12         | Ngõ số 997: Rẽ khu dân cư Chi nhánh Điện thành phố                                                              |         |
| 12.1       | Từ đường Bắc Kạn, vào 100m                                                                                      | 5.400   |
| 12.2       | Qua 100m vào hết khu dân cư quy hoạch có đường $\geq 3,5m$                                                      | 4.200   |
| <b>XXX</b> | <b>ĐƯỜNG PHỦ LIỄN (Từ đảo tròn Trung tâm đến Hợp tác xã Bắc Hà)</b>                                             |         |
| 1          | Toàn tuyến                                                                                                      | 14.400  |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                                 |         |
| 1          | Ngõ số 54B: (Ngã tư rẽ đi Nhà hàng Cây xanh)                                                                    |         |
| 1.1        | Từ đường Phủ Liễn, vào 100m                                                                                     | 4.800   |
| 1.2        | Qua 100m đến 250m có đường rộng $\geq 3,5m$                                                                     | 3.600   |
| 2          | Ngõ số 54A:                                                                                                     |         |
| 2.1        | Từ đường Phủ Liễn đến hết đất Trường Trung học cơ sở Nguyễn Du                                                  | 4.800   |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                             | Mức giá |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2.2          | Các ngách rẽ trên ngõ số 54A                                                                                      |         |
| 2.2.1        | Ngách rẽ vào khu dân cư Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, vào 100m                                         | 3.000   |
| 2.2.2        | Ngách rẽ theo hàng rào Trung tâm Giáo dục thường xuyên thành phố Thái Nguyên, vào 200m                            | 3.000   |
| 3            | Ngõ rẽ khu dân cư Phủ Liễn 1 gặp đường đi ngõ số 2 và ngõ số 60, đường Hoàng Văn Thụ                              | 8.000   |
| 4            | Ngõ số 100: Rẽ đi gặp đường ngõ số 54A                                                                            | 3.000   |
| 5            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ                                                   |         |
| 5.1          | Đường quy hoạch rộng $\geq 14,5\text{m}$                                                                          | 8.000   |
| 5.2          | Đường quy hoạch rộng $< 14,5\text{m}$                                                                             | 7.000   |
| <b>XXXI</b>  | <b>ĐƯỜNG BẮC SƠN (Từ đường Bắc Kạn đến đường Lương Ngọc Quyến)</b>                                                |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                                        | 18.000  |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 2 và khu dân cư và tái định cư tổ 15 phường Hoàng Văn Thụ                 | 7.000   |
| 2            | Ngõ rẽ vào khu dân cư tổ 12, phường Hoàng Văn Thụ, từ đường Bắc Sơn, vào 100m                                     | 6.000   |
| 3            | Ngõ rẽ vào Nhà Văn hóa tổ 16, phường Hoàng Văn Thụ, từ đường Bắc Sơn, vào 100m                                    | 5.000   |
| <b>XXXII</b> | <b>ĐƯỜNG CHU VĂN AN (Từ đường Hoàng Văn Thụ đi qua Đoàn Ca múa nhạc Dân gian Việt Bắc đến phố Lương Đình Của)</b> |         |
| 1            | Từ đường Hoàng Văn Thụ đến ngã ba ngõ số 21 sang Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến                      | 10.000  |
| 2            | Ngã ba ngõ số 21 đến hết Đoàn Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc                                                       | 7.000   |
| 3            | Từ giáp Đoàn Ca múa nhạc dân gian Việt Bắc đến ngã ba gặp phố Lương Đình Của                                      | 5.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1            | Ngõ số 3 rẽ vào khu dân cư tổ 31                                                                                  | 5.400   |
| 2            | Ngõ số 21: Rẽ đến Trường Trung học phổ thông Lương Ngọc Quyến                                                     | 5.400   |
| 2.1          | Ngách rẽ khu dân cư Phát hành sách: Vào 100m                                                                      | 3.600   |
| 3            | Ngõ rẽ theo hàng rào Trung tâm Nước sạch nông thôn, vào 100m                                                      | 5.400   |
| 4            | Ngõ số 28: Rẽ vào khu dân cư Trại dưỡng lão (cũ): Vào 100m                                                        | 4.800   |
| 5            | Ngõ số 39: Vào làng Giáo viên Lương Ngọc Quyến, vào 150m                                                          | 4.200   |
| 6            | Ngõ số 43: Vào 100m                                                                                               | 3.600   |
| 7            | Ngõ số 14: Rẽ theo hàng rào Trường Tiểu học Đội Cấn đến giáp đất khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ            | 5.400   |
| 8            | Ngõ số 26: Rẽ đến cổng Trung tâm Kỹ thuật Tổng hợp - Hướng nghiệp - Dạy nghề Thái Nguyên                          | 3.600   |
| 9            | Ngõ rẽ vào khu dân cư Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc (giáp sân thể dục Trường Trung học cơ sở Chu Văn An)          | 3.600   |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                               | Mức giá |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 10            | Ngõ số 70: Từ Đoàn Ca múa dân gian Việt Bắc đến giáp đất khu dân cư số 1, phường Hoàng Văn Thụ                      | 3.600   |
| <b>XXXIII</b> | <b>ĐƯỜNG MINH CẦU (Từ đường Bắc Sơn đến đường Phan Đình Phùng)</b>                                                  |         |
| 1             | Từ đường Bắc Sơn đến đường Phủ Liễn                                                                                 | 15.000  |
| 2             | Từ đường Phủ Liễn đến đường Phan Đình Phùng                                                                         | 17.000  |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                     |         |
| 1             | Ngách rẽ theo hàng rào Chùa Phủ Liễn vào 100m, đường bê tông $\geq 3,5\text{m}$                                     | 4.000   |
| 2             | Ngõ số 5A và 15A: Rẽ từ đường Minh Cầu vào hết khu dân cư quy hoạch tổ 22, phường Hoàng Văn Thụ                     | 7.800   |
| 3             | Ngõ số 01: Rẽ theo hàng rào Công ty Lương thực, vào 100m                                                            | 6.600   |
| 4             | Ngõ số 02 và 04: Rẽ theo hàng rào chợ Minh Cầu vào khu dân cư sau chợ Minh Cầu                                      | 8.400   |
| 5             | Ngõ số 62: Rẽ chân đồi pháo vào sân kho HTX Quyết Tâm                                                               |         |
| 5.1           | Từ đường Minh Cầu, vào 100m                                                                                         | 4.200   |
| 5.2           | Qua 100m đến hết đất sân kho                                                                                        | 3.000   |
| 6             | Ngõ số 92: Rẽ đến Trạm xá Công an tỉnh (đường cũ)                                                                   | 4.200   |
| 7             | Ngõ số 100: Vào trạm xá Công an tỉnh (đường mới), vào 100m                                                          | 8.000   |
| 8             | Ngõ số 146: Theo hàng rào Trường Hỗ trợ và giáo dục trẻ em thiệt thòi Thái Nguyên vào tổ 19, phường Phan Đình Phùng |         |
| 8.1           | Từ đường Minh Cầu, vào 200m                                                                                         | 6.000   |
| 8.2           | Qua 200m đến gặp phố Nguyễn Đình Chiểu                                                                              | 3.600   |
| 9             | Ngõ số 153: Rẽ khu dân cư đối diện Công ty cổ phần chế biến thực phẩm Thái Nguyên (Bia Vicoba)                      |         |
| 9.1           | Từ đường Minh Cầu vào đến ngã 3 gặp đường quy hoạch khu dân cư có đường rộng $\geq 9\text{m}$                       | 8.000   |
| 9.2           | Trục còn lại trong quy hoạch khu dân cư có đường rộng $\geq 9\text{m}$                                              | 6.600   |
| 10            | Ngõ số 160: Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên, vào 150m                                    | 5.000   |
| 11            | Ngõ số 206: Rẽ vào khu dân cư Công ty cổ phần May xuất khẩu Thái Nguyên, vào 150m                                   | 6.000   |
| <b>XXXIV</b>  | <b>ĐƯỜNG HOÀNG NGÂN (Từ ngã tư đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên)</b>   |         |
| 1             | Từ ngã tư đường Minh Cầu và đường Phan Đình Phùng đến đường Cách mạng Tháng tám                                     | 13.000  |
| 2             | Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên                                         | 10.000  |
| 3             | Từ ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến hết Công ty Xây dựng số 2                                         | 8.000   |
| 4             | Từ hết đất Công ty Xây dựng số 2 đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên                                              | 6.000   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                     |         |
| 1             | Ngõ rẽ vào Trụ sở Công an phường Phan Đình Phùng (mới)                                                              |         |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                                                      | Mức giá |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1.1          | Có đường rộng $\geq 10\text{m}$                                                                                                                            | 8.400   |
| 1.2          | Có đường rộng $< 10\text{m}$                                                                                                                               | 6.000   |
| 2            | Rẽ theo Trạm biến áp Việt Xô đến gặp phố Xương Rồng                                                                                                        | 4.000   |
| 3            | Các ngõ rẽ thuộc đoạn từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên, có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$ , vào 150m | 6.000   |
| 4            | Các ngõ rẽ thuộc đoạn từ ngã ba rẽ Đoàn Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên đến hết Công ty Xây dựng số 2, có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$ , vào 150m | 4.000   |
| 5            | Các ngõ rẽ thuộc đoạn từ hết đất Công ty Xây dựng số 2 đến cầu sắt giáp đất phường Túc Duyên, có mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5\text{m}$ , vào 150m      | 3.000   |
| <b>XXXV</b>  | <b>PHỐ NGUYỄN ĐÌNH CHIẾU (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua Trường Tiểu học Nguyễn Huệ đến đường Phan Đình Phùng)</b>                                             |         |
| 1            | Từ đường Hoàng Văn Thụ đến hết đất Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên                                                                                        | 7.800   |
| 2            | Từ giáp đất Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên đến gặp đường Phan Đình Phùng                                                                                 | 6.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                                            |         |
| 1            | Các đường trong khu dân cư quy hoạch A1, A2 có đường rộng $\geq 9\text{m}$                                                                                 |         |
| 1.1          | Khu dân cư lô 2 + lô 3                                                                                                                                     | 7.200   |
| 1.2          | Khu dân cư lô 4 + lô 5                                                                                                                                     | 6.000   |
| 1.3          | Khu dân cư lô 6 + lô 7                                                                                                                                     | 5.400   |
| 2            | Các trục phụ còn lại có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m                                                                                        | 3.600   |
| <b>XXXVI</b> | <b>ĐƯỜNG PHAN ĐÌNH PHÙNG (Từ đường Phùng Chí Kiên đến đường Thống Nhất)</b>                                                                                |         |
| 1            | Từ đường Phùng Chí Kiên đến gặp đường Bến Tượng                                                                                                            | 13.000  |
| 2            | Từ đường Bến Tượng đến gặp đường Thống Nhất                                                                                                                | 15.000  |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                                            |         |
| 1            | Rẽ cạnh số nhà 18, đường Phan Đình Phùng đến gặp phố Nhị Quý                                                                                               | 7.000   |
| 1.1          | Các đường trong khu quy hoạch dân cư số 1, phường Trưng Vương (cạnh Đảng ủy khối các cơ quan)                                                              | 5.000   |
| 2            | Ngõ số 17: Rẽ khu dân cư sau UBND phường Túc Duyên (đoạn trục phụ vuông góc với đường Phan Đình Phùng)                                                     | 5.500   |
| 3            | Ngõ số 167: Rẽ vào tổ 14, 15, phường Túc Duyên                                                                                                             |         |
| 3.1          | Từ đường Phan Đình Phùng, vào 100m                                                                                                                         | 4.500   |
| 3.2          | Qua 100m đến 250m                                                                                                                                          | 3.500   |
| 4            | Ngõ số 168: Rẽ đối diện Tỉnh ủy vào tổ 14, phường Túc Duyên đi gặp ngõ tổ 14, 15, phường Túc Duyên                                                         | 3.500   |
| 5            | Ngõ số 35: Rẽ vào tổ 13, 14, phường Túc Duyên                                                                                                              |         |
| 5.1          | Từ đường Phan Đình Phùng, vào 200m                                                                                                                         | 3.400   |
| 5.2          | Qua 200m đến 500m, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                                                                                            | 3.000   |
| 6            | Ngõ số 85: Rẽ theo hàng rào Tỉnh ủy gặp phố Nhị Quý (cổng Tỉnh ủy cũ)                                                                                      | 5.500   |
| 7            | Ngõ số 150B: Rẽ từ Công an phường Phan Đình Phùng (cũ), vào 100m                                                                                           | 6.000   |

| STT            | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                              | Mức giá |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 8              | Ngõ số 281: Vào 100m                                                                                                               | 4.500   |
| 9              | Ngõ số 158: Rẽ vào Trường Trung học phổ thông Dân lập Nguyễn Trãi                                                                  |         |
| 9.1            | Từ đường Phan Đình Phùng, vào 100m                                                                                                 | 4.500   |
| 9.2            | Sau 100m đến gặp đất khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng                                                                      | 4.000   |
| 9.3            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 22,5\text{m}$                               | 8.000   |
| 9.4            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $\geq 12\text{m}$ , nhưng $< 22,5\text{m}$        | 7.000   |
| 9.5            | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Phan Đình Phùng có đường rộng $< 12,5\text{m}$                                  | 6.000   |
| 10             | Ngõ số 198                                                                                                                         |         |
| 10.1           | Từ đường Phan Đình Phùng vào đến ngã 3 đầu tiên                                                                                    | 5.000   |
| 10.2           | Từ ngã 3 đầu tiên đi về hai phía 100m                                                                                              | 4.000   |
| 11             | Rẽ cạnh số nhà 321, vào 100m                                                                                                       | 4.000   |
| 12             | Ngõ số 377: Rẽ sau Công ty thức ăn gia súc gặp phố Xương Rồng                                                                      | 4.000   |
| 13             | Ngõ số 366: Rẽ vào tập thể Công ty Thức ăn gia súc cũ                                                                              |         |
| 13.1           | Vào 50m                                                                                                                            | 4.500   |
| 13.2           | Sau 50m đến 150m                                                                                                                   | 4.000   |
| 14             | Ngõ số 392: Rẽ gặp phố Nguyễn Đình Chiểu                                                                                           | 3.500   |
| 15             | Ngõ số 446 và 466: Rẽ khu dân cư Hồng Hà vào 150m có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                                     | 6.000   |
| 16             | Các đường trong khu dân cư số 3 + 4, phường Đồng Quang đã xây dựng xong hạ tầng                                                    |         |
| 16.1           | Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$                                                                                                     | 7.000   |
| 16.2           | Đường rộng $\geq 9\text{m}$ và $< 14,5\text{m}$                                                                                    | 6.000   |
| <b>XXXVII</b>  | <b>PHỐ TÔ NGỌC VÂN (Từ đường Phan Đình Phùng đến phố Nguyễn Bính)</b>                                                              |         |
| 1              | Toàn tuyến                                                                                                                         | 7.000   |
| <b>XXXVIII</b> | <b>PHỐ NGUYỄN BÌNH (Từ phố Văn Cao qua đường Phan Đình Phùng đến gặp tuyến số 19, khu dân cư số 1, 3, 4, 5, phường Đồng Quang)</b> |         |
| 1              | Toàn tuyến                                                                                                                         | 7.000   |
| <b>XXXIX</b>   | <b>PHỐ XƯƠNG RỒNG (Từ đường Cách mạng tháng Tám qua cổng Trường Trung học cơ sở Nha Trang đến đường Phan Đình Phùng)</b>           |         |
| 1              | Từ đường Cách mạng tháng Tám đến hết đất Trường Trung học cơ sở Nha Trang                                                          | 7.000   |
| 2              | Từ giáp đất Trường Trung học cơ sở Nha Trang đến gặp đường Phan Đình Phùng                                                         | 5.400   |
|                | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                    |         |
| 1              | Rẽ vào Chùa Ông, vào 100m                                                                                                          | 3.500   |
| 2              | Ngõ số 54: Vào 100m                                                                                                                | 3.500   |

| STT       | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                   | Mức giá |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2.1       | Ngách rẽ khu dân cư Đoàn nghệ thuật Thái Nguyên, vào 50m                                                | 3.000   |
| 3         | Rẽ theo hàng rào cạnh Trường Trung học cơ sở Nha Trang, vào 100m                                        | 3.500   |
| 4         | Từ Trạm biến áp, vào 50m                                                                                | 3.500   |
| <b>XL</b> | <b>ĐƯỜNG BẾN OÁNH (Từ đường Bến Tượng đến cầu treo Bến Oánh)</b>                                        |         |
| 1         | Từ đường Bến Tượng đến ngã 3 phố Cột Cờ                                                                 | 19.000  |
| 2         | Từ ngã 3 phố Cột Cờ đến rẽ Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên                                        | 15.500  |
| 3         | Từ rẽ Công ty Cổ phần Nước sạch Thái Nguyên đến rẽ bến phà Soi                                          | 12.000  |
| 4         | Từ rẽ bến phà Soi đến cống xiphông qua đường                                                            | 7.500   |
| 5         | Từ cống xiphông qua đường đến cầu treo Bến Oánh                                                         | 6.000   |
|           | <b>Trục phụ</b>                                                                                         |         |
| 1         | Ngõ số 315: Rẽ khu dân cư Công ty cổ phần Thương mại tổng hợp (Nông sản thực phẩm cũ) đi gặp phố Cột Cờ | 9.600   |
| 2         | Ngõ số 230: Rẽ khu dân cư Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh                                               |         |
| 2.1       | Trục chính vào hết đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh                                                  | 6.000   |
| 2.2       | Qua đất Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh đến hết khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$                    | 4.800   |
| 3         | Ngõ số 224: Rẽ đến cổng Công ty cổ phần Nước sạch Thái Nguyên                                           | 6.600   |
| 4         | Ngõ số: 155; 222; 165; 201; 220:                                                                        |         |
| 4.1       | Mặt đường bê tông rộng $\geq 3,5m$ , vào 100m                                                           | 4.800   |
| 4.2       | Đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ , nhưng $< 3,5m$ , vào 100m                                              | 4.200   |
| 4.3       | Các đường quy hoạch trong Khu dân cư số 3, phường Trưng Vương                                           | 4.000   |
| 5         | Ngõ số 182: Rẽ xóm phà Soi đến đường đê Sông Cầu                                                        |         |
| 5.1       | Trục chính vào đến khu tái định cư kè Sông Cầu                                                          | 4.800   |
| 5.2       | Từ khu tái định cư kè Sông Cầu đến gặp đường Thanh Niên                                                 | 4.200   |
| 5.3       | Các đường ngang trong khu quy hoạch tái định cư                                                         | 3.800   |
| 6         | Rẽ cạnh số nhà 160 vào tổ 5, phường Túc Duyên                                                           |         |
| 6.1       | Vào 100m, đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                                                                | 3.400   |
| 6.2       | Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                                                   | 2.700   |
| 7         | Ngõ số 140; 114 và 57:                                                                                  |         |
| 7.1       | Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                                                            | 3.400   |
| 7.2       | Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                                                   | 2.700   |
| 8         | Rẽ khu dân cư số 4, phường Túc Duyên (khu dân cư Detech)                                                |         |
| 8.1       | Từ đường Bến Oánh đến đê Sông Cầu                                                                       | 4.800   |
| 8.2       | Các đường còn lại trong khu quy hoạch                                                                   | 4.200   |
| 9         | Ngõ số 68; 16 và 5:                                                                                     |         |
| 9.1       | Vào 100m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                                                            | 3.000   |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                      | Mức giá |
|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9.2          | Qua 100m đến 250m, mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                                               | 2.500   |
| 10           | Ngõ số 1, đi bến đò Oánh (cũ), vào 100m                                                                    | 4.200   |
| <b>XLI</b>   | <b>ĐƯỜNG TÚC DUYÊN (Từ đường Phan Đình Phùng qua cổng Trụ sở UBND phường Túc Duyên đến cầu treo Huống)</b> |         |
| 1            | Từ đường Phan Đình Phùng đến hết đất UBND phường Túc Duyên                                                 | 7.200   |
| 2            | Từ hết đất UBND phường Túc Duyên đến hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên                             | 6.000   |
| 3            | Từ hết đất cửa hàng xăng dầu số 61 Túc Duyên đến lối rẽ đi cầu phao Huống Trung                            | 4.800   |
| 4            | Từ lối rẽ đi cầu phao Huống Trung đến cầu treo Huống Trung                                                 | 3.600   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                            |         |
| 1            | Ngõ số 18: Rẽ theo hàng rào UBND phường Túc Duyên, vào 100m                                                | 4.400   |
| 2            | Rẽ khu dân cư số 7A, 7B, phường Túc Duyên, vào 100m                                                        | 4.200   |
| 3            | Ngõ số 139; 215; 239 rẽ đi tổ 18,19, vào 100m                                                              | 2.700   |
| 4            | Ngõ số 249; 265; 267; 287; 295, vào 100m                                                                   | 2.700   |
| 5            | Ngõ số 210: Rẽ tổ 23, vào 100m                                                                             | 2.500   |
| 6            | Ngõ rẽ tổ 22, vào 100m                                                                                     | 2.700   |
| <b>XLII</b>  | <b>ĐƯỜNG BẮC NAM (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến ngã ba Bắc Nam gặp đường Thống Nhất)</b>                |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                                 | 12.000  |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                            |         |
| 1            | Ngõ số 67: Rẽ đi tổ 18, phường Gia Sàng                                                                    |         |
| 1.1          | Vào 100m                                                                                                   | 3.400   |
| 1.2          | Qua 100m đến 200m                                                                                          | 2.700   |
| 2            | Ngõ số 105: Rẽ đi tổ 19, phường Gia Sàng (sân kho hợp tác xã cũ), vào 100m                                 | 4.200   |
| 3            | Ngõ số 141: Đi gặp ngõ số 536 đường Cách mạng tháng Tám, vào 50m                                           | 3.400   |
| 4            | Ngõ số 92: Rẽ đến cổng HTX cơ khí Bắc Nam                                                                  | 4.500   |
| 5            | Ngõ rẽ cạnh số nhà 126, vào 70m                                                                            | 4.200   |
| 6            | Ngõ số 157; 177: Rẽ đi tổ 19 và 22, phường Gia Sàng, vào 100m                                              | 3.800   |
| 7            | Ngõ số 247: Rẽ đi tổ 23, phường Gia Sàng, vào 100m                                                         | 3.400   |
| 8            | Các đường trong khu đô thị Hồ điều hòa Xương Rồng đã xong hạ tầng                                          |         |
| 8.1          | Đường bê tông rộng $\geq 18\text{m}$                                                                       | 9.000   |
| 8.2          | Đường bê tông rộng $\geq 10\text{m}$ , nhưng $< 18\text{m}$                                                | 7.000   |
| <b>XLIII</b> | <b>ĐƯỜNG TÂN QUANG (Từ đường Bắc Nam đến đường Thanh niên Xung phong)</b>                                  |         |
| 1            | Từ đường Bắc Nam đến hết đất Trường Mầm non Văn Lang                                                       | 4.200   |
| 2            | Từ hết đất Trường Mầm non Văn Lang đến hết đất Nhà Văn hóa tổ 7, phường Gia Sàng                           | 3.800   |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                      | Mức giá |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3           | Từ hết đất Nhà Văn hóa tổ 7, phường Gia Sàng đến đường sắt                                                 | 2.800   |
| 4           | Từ đường sắt đến gặp đường Thanh niên xung phong                                                           | 2.300   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                            |         |
| 1           | Ngõ rẽ đối diện Trường Mầm non Văn Lang, vào 100m                                                          | 2.500   |
| 2           | Các nhánh rẽ trên đoạn từ đường Bắc Nam đến đường sắt có đường bê tông rộng $\geq 2m$ , vào 100m           | 1.800   |
| <b>XLIV</b> | <b>ĐƯỜNG GIA SÀNG (Từ đường Cách Mạng tháng Tám qua cổng UBND phường Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét)</b> |         |
| 1           | Từ đường Cách Mạng tháng Tám đến cổng UBND phường Gia Sàng                                                 | 5.000   |
| 2           | Từ cổng UBND phường Gia Sàng đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Gia Sàng                                       | 4.000   |
| 3           | Từ cổng Trường Tiểu học Gia Sàng đến ngã 3 đi khu dân cư số 1 Gia Sàng                                     | 3.500   |
| 4           | Từ ngã ba đi khu dân cư số 1 Gia Sàng đến Trạm nghiên cứu sét                                              | 3.000   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                            |         |
| 1           | Rẽ theo hàng rào Công an phường Gia Sàng gặp đường rẽ đi xưởng đậu cũ, vào 150m                            | 3.500   |
| 2           | Rẽ vào đến cổng Trường Tiểu học Gia Sàng                                                                   | 2.800   |
| 3           | Rẽ Trạm nghiên cứu sét đến giáp đất khu dân cư bệnh xá Ban chỉ huy Quân sự                                 | 2.500   |
| 4           | Rẽ đến hết trại chăn nuôi HTX Gia Sàng cũ                                                                  | 2.500   |
| 5           | Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Trạm xử lý nước thải                                             | 3.000   |
| <b>XLV</b>  | <b>ĐƯỜNG THANH NIÊN XUNG PHONG (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường 3/2)</b>                            |         |
| 1           | Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường rẽ vào Khu di tích lịch sử Thanh niên xung phong Đại đội 915 + 50m  | 6.500   |
| 2           | Từ đường rẽ vào Khu di tích lịch sử Thanh niên xung phong Đại đội 915 + 50m đến đường sắt Hà Thái          | 3.500   |
| 3           | Từ đường sắt Hà Thái đến hết suối Loàng                                                                    | 2.800   |
| 4           | Từ suối Loàng đến cách đường 3/2 300m                                                                      | 4.000   |
| 5           | Từ cách đường 3/2 300m đến gặp đường 3/2                                                                   | 5.000   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                            |         |
| 1           | Các đường rẽ từ đường Thanh niên xung phong vào khu tập thể Cán A, vào 100m                                | 2.500   |
| 2           | Rẽ Đài tưởng niệm Thanh niên xung phong, vào 100m                                                          | 2.500   |
| 3           | Rẽ song song theo đường sắt đến xưởng cán Công ty Cổ phần Kim khí Gia Sàng                                 | 2.000   |
| 4           | Rẽ từ Bờ Hồ đến Nhà Văn hóa tổ 7, phường Tân Lập                                                           | 3.000   |
| <b>XLVI</b> | <b>ĐƯỜNG GA THÁI NGUYÊN (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua Ga Thái Nguyên đến đường Quang Trung)</b>           |         |
| 1           | Từ ngã tư đường Lương Ngọc Quyến đến gặp đường sắt Hà Thái                                                 | 12.000  |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                                 | Mức giá |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2             | Từ đường sắt Hà Thái đến gặp đường Quang Trung                                                                                        | 10.000  |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                       |         |
| 1             | Ngõ rẽ từ số nhà 208 theo hàng rào sau chợ Đồng Quang đến gặp ngõ số 108 đường Lương Ngọc Quyến                                       | 5.000   |
| 2             | Ngõ số 216: Rẽ vào Công ty cổ phần In Thái Nguyên                                                                                     |         |
| 2.1           | Từ trục chính đến cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên                                                                                 | 5.000   |
| 2.2           | Từ cổng Công ty cổ phần In Thái Nguyên vào hai phía 150m                                                                              | 4.000   |
| 3             | Ngõ số 260: Rẽ vào khu dân cư Ao dân quân                                                                                             |         |
| 3.1           | Từ đường Ga Thái Nguyên, vào 150m                                                                                                     | 5.500   |
| 3.2           | Qua 150m đến hết đất Trường Mầm non Quang Trung                                                                                       | 5.000   |
| 4             | Ngõ số 215: Vào 100m (khu dân cư bãi sân ga)                                                                                          | 4.500   |
| 5             | Ngõ số 312: Rẽ UBND phường Quang Trung, vào 100m                                                                                      | 5.000   |
| 6             | Ngõ số 334: Rẽ đến Trường Trung học cơ sở Quang Trung                                                                                 | 4.000   |
| 7             | Ngõ số 157: Vào 100m                                                                                                                  | 3.500   |
| 8             | Ngõ số 378: Rẽ Trung tâm Bảo trợ và công tác xã hội tỉnh Thái Nguyên                                                                  |         |
| 8.1           | Từ đường Ga Thái Nguyên, vào 200m                                                                                                     | 4.000   |
| 8.2           | Qua 200m đến hết Trung tâm Bảo trợ và Công tác xã hội tỉnh Thái Nguyên (không bao gồm đường quy hoạch khu tái định cư đường Việt Bắc) | 3.200   |
| 9             | Ngõ số 404: Rẽ đến cầu sắt sau Z159                                                                                                   |         |
| 9.1           | Từ đường Ga Thái Nguyên đến hết đất Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân                                                                  | 4.000   |
| 9.2           | Từ hết đất Trường Tiểu học Nguyễn Viết Xuân đến cầu sắt sau Z159                                                                      | 3.500   |
| <b>XLVII</b>  | <b>ĐƯỜNG LÊ QUÝ ĐÔN (Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường Lương Thế Vinh)</b>                                                          |         |
| 1             | Từ đường Lương Ngọc Quyến đến đường rẽ cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên                                                  | 12.000  |
| 2             | Từ đường rẽ vào cổng Sân vận động Đại học Sư phạm Thái Nguyên đến gặp đường Lương Thế Vinh                                            | 10.000  |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                       |         |
| 1             | Các đường khu quy hoạch khu dân cư Nam Đại học Sư phạm Thái Nguyên, có mặt đường rộng $\geq 7m$                                       | 7.800   |
| 2             | Các đường quy hoạch khu tái định cư Dự án thoát nước và xử lý nước thải Thành phố Thái Nguyên có mặt đường rộng $\geq 7m$             | 6.000   |
| <b>XLVIII</b> | <b>ĐƯỜNG LƯƠNG THẾ VINH (Từ đường Lương Ngọc Quyến qua cổng Công ty cổ phần Xây dựng số 1 đến đường Mỏ Bạch)</b>                      |         |
| 1             | Từ đường Lương Ngọc Quyến đến ngã 3 rẽ khu dân cư số 2, phường Quang Trung                                                            | 6.000   |
| 2             | Từ ngã 3 rẽ khu dân cư số 2, phường Quang Trung đến gặp đường Lê Quý Đôn                                                              | 6.600   |
| 3             | Từ đường Lê Quý Đôn đến gặp đường Mỏ Bạch (đê Mỏ Bạch)                                                                                | 7.200   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                       |         |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                             | Mức giá |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1           | Các ngõ số 7; 22; 24; 26; 43; 60 và 80: Vào 100m                                                                  | 3.600   |
| 2           | Khu dân cư số 2, phường Quang Trung                                                                               |         |
| 2.1         | Đường rộng $\geq 9m$                                                                                              | 4.500   |
| 2.2         | Đường rộng $\geq 6m$ , nhưng $< 9m$                                                                               | 3.600   |
| 2.3         | Đường rộng $< 6m$                                                                                                 | 3.000   |
| 3           | Ngõ số 125: Vào 250m                                                                                              | 3.000   |
| 4           | Ngõ số 96A; 96B; 147; 165 và ngõ rẽ từ số nhà 169: Vào 100m                                                       | 3.500   |
| 5           | Các trục đường trong khu dân cư số 3, phường Quang Trung                                                          |         |
| 5.1         | Đường rộng $\geq 19m$                                                                                             | 6.000   |
| 5.2         | Đường rộng $\geq 12m$ nhưng $< 19m$                                                                               | 4.500   |
| <b>XLIX</b> | <b>ĐƯỜNG MỎ BẠCH (Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên)</b>                        |         |
| 1           | Từ đường Dương Tự Minh đến đường sắt Hà Thái                                                                      | 6.500   |
| 2           | Từ đường sắt Hà Thái đến cổng Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên                                                 | 7.000   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1           | Khu dân cư đồi Yên Ngựa: Các đường quy hoạch trong khu dân cư (đã xong hạ tầng)                                   | 4.800   |
| 2           | Ngõ số 21: Rẽ cạnh Nhà Văn hóa Mỏ Bạch, vào 100m                                                                  | 4.000   |
| 3           | Rẽ từ số nhà 01 vào 100m xuống chân đê đường Mỏ Bạch                                                              | 3.000   |
| 4           | Đường rẽ song song đường sắt, vào 100m                                                                            | 3.500   |
| 5           | Đường quy hoạch trong khu dân cư Đại học Nông Lâm Thái Nguyên                                                     |         |
| 5.1         | Đường rộng $\geq 6m$                                                                                              | 5.500   |
| 5.2         | Đường rộng $\geq 3,5m$ , nhưng $< 6m$                                                                             | 4.500   |
| <b>L</b>    | <b>PHỐ ĐỒNG QUANG (Từ đường Hoàng Văn Thụ qua khu dân cư Tỉnh đội gặp đường Lương Ngọc Quyến)</b>                 |         |
| 1           | Từ đường Hoàng Văn Thụ đến giáp đất Khách sạn Đông Á II                                                           | 7.000   |
| 2           | Từ giáp đất Khách sạn Đông Á II đi gặp đường Lương Ngọc Quyến                                                     | 6.000   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1           | Rẽ nhà hàng ASEAN, vào 150m                                                                                       | 4.800   |
| 2           | Rẽ khu dân cư đồi C25 cũ, vào 150m                                                                                | 4.800   |
| 3           | Rẽ vào khu dân cư số 2, phường Đồng Quang gặp phố Đồng Quang                                                      | 5.200   |
| 4           | Rẽ vào khu dân cư Tỉnh đội, vào 150m                                                                              | 4.500   |
| <b>LI</b>   | <b>ĐƯỜNG VIỆT BẮC (Từ đường Thống Nhất qua Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc đến gặp đường Mỏ Bạch)</b> |         |
| 1           | Từ đường Thống Nhất đến gặp đường Ga Thái Nguyên                                                                  | 12.000  |
| 2           | Từ đường Ga Thái Nguyên đến gặp đường rẽ khu tái định cư đường Việt Bắc                                           | 11.000  |
| 3           | Từ đường rẽ khu tái định cư đường Việt Bắc đến gặp đường Mỏ Bạch                                                  | 10.000  |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                    | Mức giá |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                          |         |
| 1          | Các trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m                                          | 3.500   |
| 2          | Các đường quy hoạch trong khu tái định cư tổ 38, phường Quang Trung, đã xong hạ tầng                     | 3.500   |
| 3          | Các đường quy hoạch trong khu tái định cư đường Việt Bắc                                                 |         |
| 3.1        | Đường rộng $\geq 19\text{m}$                                                                             | 5.000   |
| 3.2        | Đường rộng $\geq 11,5\text{m}$ nhưng $< 19\text{m}$                                                      | 4.000   |
| <b>LII</b> | <b>ĐƯỜNG QUANG TRUNG (Từ đường sắt Hà Thái đến ngã 3 gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương)</b>         |         |
| 1          | Từ đường sắt Hà Thái đến ngã ba gặp đường Z115                                                           | 13.200  |
| 2          | Từ ngã ba gặp đường Z115 đến qua ngã 3 Đán đi Núi Cốc 100m (đến đất Chợ Đán)                             | 13.800  |
| 3          | Từ qua ngã 3 Đán đi Núi Cốc 100m đến ngã 3 rẽ phố Lê Hữu Trác                                            | 9.000   |
| 4          | Từ ngã ba rẽ phố Lê Hữu Trác đến gặp đường Thịnh Đức và đường Tân Cương (rẽ Dốc Lim)                     | 7.000   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                          |         |
| 1          | Rẽ khu dân cư Z159                                                                                       |         |
| 1.1        | Từ trục chính vào đến cổng Z159                                                                          | 6.000   |
| 1.2        | Đoạn còn lại và các đường khác trong khu dân cư Z159 có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$        | 3.000   |
| 2          | Ngõ số 155: Rẽ khu dân cư X79                                                                            |         |
| 2.1        | Vào 100m                                                                                                 | 4.200   |
| 2.2        | Đoạn còn lại và các đường khác trong quy hoạch khu dân cư X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$             | 3.600   |
| 3          | Ngõ số 233: Rẽ vào X79 và Trường Cao đẳng Nghề số 1, Bộ Quốc phòng                                       |         |
| 3.1        | Vào 150m                                                                                                 | 5.200   |
| 3.2        | Đoạn còn lại và các đường khác trong khu dân cư X79 có đường rộng $\geq 5\text{m}$                       | 4.200   |
| 4          | Ngõ số 243: Vào 100m                                                                                     | 3.800   |
| 5          | Ngõ số 245: Rẽ Tiểu đoàn 2, vào 150m                                                                     | 4.200   |
| 6          | Rẽ khu dân cư số 3, số 4, phường Tân Thịnh                                                               |         |
| 6.1        | Từ đường Quang Trung, vào 100m                                                                           | 6.000   |
| 6.2        | Các đường quy hoạch trong khu dân cư có đường rộng $\geq 5\text{m}$                                      | 5.000   |
| 7          | Rẽ từ đường Quang Trung vào đến hết đất UBND phường Tân Thịnh                                            | 4.200   |
| 8          | Rẽ vào khu tập thể Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng giao thông                                            |         |
| 8.1        | Từ đường Quang Trung, vào 150m                                                                           | 3.800   |
| 8.2        | Các đoạn còn lại trong khu tập thể Xí nghiệp Khảo sát thiết kế giao thông có đường rộng $\geq 5\text{m}$ | 3.200   |
| 9          | Rẽ đi Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến (cũ), vào 100m                                                    | 4.200   |
| 10         | Ngõ số 365: Rẽ tổ dân phố số 18, phường Thịnh Đán (cạnh kiốt xăng), vào                                  | 4.200   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                               | Mức giá |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|      | 100m                                                                                                                |         |
| 11   | Ngõ số 340: Rẽ tổ dân phố số 19, phường Thịnh Đán, vào 100m                                                         | 4.200   |
| 12   | Ngõ số 407: Vào 150m                                                                                                | 4.200   |
| 13   | Ngõ số 398: Rẽ vào cổng cũ Trường Cao đẳng Sư phạm đến giáp đất Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên                 | 4.800   |
| 14   | Ngõ số 417: Rẽ vào tổ dân phố số 20, đối diện cổng Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên, vào 100m                    | 4.700   |
| 15   | Ngõ số 429: Vào 100m                                                                                                | 4.200   |
| 16   | Ngõ số 443: Rẽ cạnh Công an phường Thịnh Đán vào 100m                                                               | 4.200   |
| 17   | Ngõ số 402: Rẽ cạnh Bệnh viện A Thái Nguyên vào khu dân cư số 6, phường Thịnh Đán                                   |         |
| 17.1 | Từ đường Quang Trung đến hết khu dân cư có đường rộng $\geq 12m$                                                    | 7.200   |
| 17.2 | Rẽ vào lô 2 + 3 đã xong hạ tầng có đường rộng $\geq 6m$ , nhưng $< 12m$                                             | 6.000   |
| 18   | Ngõ số 463: Rẽ cạnh Báo Nông nghiệp Việt Nam, vào 150m                                                              | 5.000   |
| 19   | Ngõ số 541: Vào 100m                                                                                                | 3.500   |
| 20   | Ngõ số 573: Rẽ cạnh Chợ Đán, vào 100m                                                                               | 4.200   |
| 21   | Ngõ số 604: Rẽ vào Đội Thuế phường Thịnh Đán, vào 100m                                                              | 3.000   |
| 22   | Ngõ số 613; 621: Vào 100m                                                                                           | 2.800   |
| 23   | Ngõ số 620: Ngõ cạnh Trường Ngô Quyền, vào 150m                                                                     | 2.800   |
| 24   | Ngõ số 675: Vào 100m                                                                                                | 2.500   |
| 25   | Ngõ số 689; 691: Vào 100m                                                                                           | 2.300   |
| 26   | Ngõ số 648: Vào 200m                                                                                                | 2.300   |
| 27   | Ngõ số 634: Ngõ rẽ vào đến Chùa Đán                                                                                 | 2.800   |
| 28   | Rẽ cạnh kênh Núi Cốc đến sau Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội tỉnh Thái Nguyên, vào 150m                          | 2.500   |
| 29   | Rẽ Trung tâm 05, 06 tỉnh Thái Nguyên, vào 200m                                                                      | 2.800   |
| 30   | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 10, phường Thịnh Đán                                                        |         |
| 30.1 | Từ đường Quang Trung vào khu dân cư, đường rộng 20,5m                                                               | 6.000   |
| 30.2 | Đường rộng 36m                                                                                                      | 5.000   |
| 30.3 | Đường rộng $\leq 19,5m$                                                                                             | 6.000   |
| 31   | Ngõ số 409: Vào 100m                                                                                                | 3.500   |
| 32   | Ngõ số 400: Vào 100m                                                                                                | 4.000   |
| 33   | Các đường quy hoạch trong khu dân cư số 5, phường Thịnh Đán                                                         |         |
| 33.1 | Từ đường Quang Trung vào khu dân cư, đường rộng 22,5m                                                               | 5.000   |
| 33.2 | Đường quy hoạch trong khu dân cư rộng $\leq 14,5m$                                                                  | 4.000   |
| 34   | Ngõ số 721: Vào 150m                                                                                                | 2.800   |
| LIII | <b>ĐƯỜNG LÊ HỮU TRÁC (Từ đường Quang Trung qua Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyền đến hết đất Bệnh viện Tâm thần)</b> |         |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                             | Mức giá |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1          | Từ đường Quang Trung đến hết đất Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến                                                 | 5.000   |
| 2          | Từ hết đất Trường Tiểu học Lương Ngọc Quyến đến hết đất Bệnh viện Tâm thần                                        | 4.500   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1          | Ngõ số 85: Ngõ rẽ đi Nhà Văn hóa tổ 14, phường Thịnh Đán, vào 100m                                                | 2.500   |
| 2          | Ngõ số 24 và ngõ số 64: Vào 150m                                                                                  | 2.000   |
| <b>LIV</b> | <b>ĐƯỜNG PHÚ THÁI (Từ đường Quang Trung qua Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải gặp đường Thống Nhất)</b> |         |
| 1          | Từ đường Quang Trung đến hết đất khu dân cư số 1, phường Tân Thịnh                                                | 4.500   |
| 2          | Từ giáp đất khu dân cư số 1, phường Tân Thịnh đến ngã 3 rẽ đi Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải         | 4.000   |
| 3          | Từ ngã 3 rẽ đi Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải đến cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải   | 2.500   |
| 4          | Từ cổng Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải đến rẽ Công ty cổ phần Xây dựng giao thông số 1               | 4.000   |
| 5          | Từ rẽ Công ty cổ phần Xây dựng giao thông số 1 đến gặp đường Thống Nhất                                           | 4.500   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1          | Rẽ khu dân cư số 1, phường Tân Thịnh, đã xây dựng xong hạ tầng                                                    |         |
| 1.1        | Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$                                                                                    | 4.000   |
| 1.2        | Đường $\geq 9\text{m}$ , nhưng $< 14,5\text{m}$                                                                   | 3.500   |
| 2          | Từ giáp đất khu dân cư số 3, phường Tân Thịnh đến gặp ngã ba cổng Bệnh viện Lao và bệnh phổi ra đường Thống nhất  |         |
| 2.1        | Đường mới                                                                                                         | 4.500   |
| 2.2        | Đường cũ                                                                                                          | 3.500   |
| 3          | Ngõ số 109; 107; 100; 97: Vào 100m                                                                                | 3.000   |
| 4          | Ngõ số 65: Rẽ khu dân cư Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải                                              | 3.200   |
| 5          | Ngõ số 46: Vào Nhà Văn hóa tổ 19, phường Tân Thịnh                                                                |         |
| 5.1        | Vào đến hết Nhà Văn hóa tổ 19, phường Tân Thịnh                                                                   | 2.700   |
| 5.2        | Các đường nhánh còn lại có đường rộng $\geq 5\text{m}$                                                            | 2.200   |
| 6          | Ngõ số 44: Rẽ khu dân cư Công ty cổ phần Xây dựng phát triển Nông thôn, vào 150m                                  | 2.700   |
| 7          | Ngõ số 31: Vào 100m                                                                                               | 2.300   |
| 8          | Ngõ số 32: Rẽ Nhà Văn hóa tổ 18, phường Tân Thịnh, vào 150m                                                       | 2.700   |
| <b>LV</b>  | <b>ĐƯỜNG TÂN THỊNH (Từ đường Quang Trung qua Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính gặp đường 3-2)</b>                 |         |
| 1          | Từ đường Quang Trung, vào 150m                                                                                    | 4.200   |
| 2          | Qua 150m đến cổng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật                                                                | 2.700   |
| 3          | Từ cổng Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật đến giáp đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính                           | 3.800   |
| 4          | Từ giáp đất Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến gặp đường 3-2                                                   | 5.400   |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                   | Mức giá |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|            | <b>Trục Phụ</b>                                                                                         |         |
| 1          | Ngõ số 4; 45; 75; 58; 68; 84: Vào 100m                                                                  | 2.500   |
| 2          | Ngõ số 101: Vào 200m                                                                                    | 2.500   |
| 3          | Ngõ số 137                                                                                              |         |
| 3.1        | Vào 150m                                                                                                | 2.700   |
| 3.2        | Qua 150m đến 400m                                                                                       | 2.500   |
| 4          | Ngõ số 125, 122, 127: Vào 150m                                                                          | 2.500   |
| <b>LVI</b> | <b>ĐƯỜNG Z115 (Từ đường Quang Trung đến đường Tố Hữu)</b>                                               |         |
| 1          | Từ đường Quang Trung đến hết đất Ký túc xá sinh viên                                                    | 8.400   |
| 2          | Từ hết đất Ký túc xá sinh viên đến cầu vượt Sơn Tiến                                                    | 4.500   |
| 3          | Từ cầu vượt Sơn Tiến đến gặp đường Tố Hữu                                                               | 3.600   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                         |         |
| 1          | Ngõ số 5: Rẽ đến cổng phụ UBND phường Tân Thịnh                                                         | 3.600   |
| 2          | Ngõ số 16; 30: Rẽ Nhà Văn hóa tổ 7, phường Tân Thịnh, vào 100m                                          | 3.600   |
| 3          | Ngõ số 25: Vào 100m                                                                                     | 3.600   |
| 4          | Ngõ số 43: Vào 100m                                                                                     | 3.600   |
| 5          | Rẽ vào khu dân cư tổ 10, phường Tân Thịnh                                                               |         |
| 5.1        | Từ đường Z115 vào 150m                                                                                  | 3.600   |
| 5.2        | Qua 150m đến 250m                                                                                       | 3.000   |
| 6          | Ngõ số 75: Vào 100m                                                                                     | 3.000   |
| 7          | Ngõ rẽ vào khu dân cư quy hoạch Trường Thiếu sinh quân (cũ) thuộc tổ 7, phường Tân Thịnh                |         |
| 7.1        | Vào 100m                                                                                                | 3.000   |
| 7.2        | Qua 100m đến 250m                                                                                       | 2.600   |
| 8          | Ngõ số 109: Rẽ vào Tòa án Quân sự Quân khu I                                                            |         |
| 8.1        | Từ đường Z115 đến cổng Tòa án Quân sự Quân khu I                                                        | 4.200   |
| 8.2        | Từ cổng Tòa án Quân sự Quân khu I đến Nhà Văn hóa tổ 6, phường Tân Thịnh                                | 3.000   |
| 8.3        | Đoạn còn lại có mặt đường bê tông $\geq 3m$                                                             | 2.400   |
| 9          | Rẽ đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên                                                                     |         |
| 9.1        | Từ đường Z115 đến rẽ cổng Văn phòng Đại học Thái Nguyên, có đường rộng $\geq 19m$                       | 10.000  |
| 9.2        | Các đường trong khu dân cư quy hoạch Nam Đại học Thái Nguyên đã xây dựng xong hạ tầng                   |         |
| 9.2.1      | Đường rộng $\geq 14m$ , nhưng $< 19m$                                                                   | 6.000   |
| 9.2.2      | Đường rộng $\geq 9m$ , nhưng $< 14m$                                                                    | 5.000   |
| 9.3        | Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Z115 đi Văn phòng Đại học Thái Nguyên vào tổ 2 và tổ 3, phường Tân Thịnh |         |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                 | Mức giá |
|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 9.3.1       | Từ trục phụ, vào 200m                                                                                 | 3.000   |
| 9.3.2       | Qua 200m đến 500m                                                                                     | 2.500   |
| 9.4         | Nhánh rẽ từ trục phụ đối diện Văn phòng Đại học Thái Nguyên đi đến cầu sắt sau Z159                   | 3.000   |
| 10          | Ngõ rẽ đi Nhà Văn hóa tổ 5, phường Tân Thịnh, vào 150m                                                | 3.200   |
| 11          | Ngõ rẽ cạnh Trường Trung học phổ thông vùng cao Việt Bắc vào đến cầu vượt tuyến tránh Quốc lộ 3       | 3.200   |
| 12          | Ngõ rẽ cạnh Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Thái Nguyên, vào 100m                  | 3.200   |
| 13          | Ngõ rẽ đi Nhà Văn hóa tổ 3, Tiến Ninh (2 đường), từ đường Z115, vào 100m                              | 3.000   |
| 14          | Rẽ từ cổng Z115 đến đất khu dân cư xóm Nước Hai                                                       |         |
| 14.1        | Từ cổng Z115 đi khu dân cư xóm Nước Hai, vào 100m                                                     | 2.500   |
| 14.2        | Rẽ khu dân cư xóm Nước Hai và các đường trong khu dân cư quy hoạch tái định cư xóm Nước Hai, vào 100m | 2.300   |
| 15          | Rẽ khu dân cư xóm Thái Sơn và các đường trong khu dân cư quy hoạch Thái Sơn, vào 100m                 | 2.500   |
| 16          | Ngõ rẽ cạnh Nhà Văn hóa Z115, vào 100m                                                                | 2.500   |
| 17          | Các ngõ rẽ còn lại vào 100m đường rộng $\geq 2,5m$                                                    | 2.200   |
| <b>LVII</b> | <b>ĐƯỜNG TỔ HỮU (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Quyết Thắng đến hết đất thành phố)</b>              |         |
| 1           | Từ đường Quang Trung đến hết khu dân cư số 6, phường Thịnh Đán (giai đoạn 2)                          | 6.000   |
| 2           | Từ hết khu dân cư số 6, phường Thịnh Đán (giai đoạn 2) đến ngã 3 gặp đường Z115                       | 4.000   |
| 3           | Từ ngã ba gặp đường Z115 đến ngã tư xóm Cây Xanh                                                      | 3.500   |
| 4           | Từ ngã tư xóm Cây Xanh đến đường rẽ UBND xã Phúc Xuân                                                 | 2.500   |
| 5           | Từ đường rẽ UBND xã Phúc Xuân đến đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân                                     | 3.000   |
| 6           | Từ đường rẽ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc                                       | 2.500   |
| 7           | Từ ngã ba đi Nam Hồ Núi Cốc đến đầu cầu Khuôn Năm                                                     | 2.000   |
| 8           | Từ đầu cầu Khuôn Năm + 500m                                                                           | 1.500   |
| 9           | Đoạn còn lại đến hết đất thành phố                                                                    | 1.100   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                       |         |
| 1           | Ngõ số 13; 15; 22; 27; 28; 33; 38: Vào 100m                                                           | 2.300   |
| 2           | Ngõ số 36: Vào 50m                                                                                    | 2.300   |
| 3           | Ngõ số 45; 51; 999: Vào 150m                                                                          | 2.300   |
| 4           | Ngõ số 42: Vào 150m                                                                                   | 3.000   |
| 5           | Các đường quy hoạch khu dân cư số 6, giai đoạn 2, phường Thịnh Đán, rộng 15,5m                        | 3.500   |
| 6           | Các đường quy hoạch khu tái định cư số 11, phường Thịnh Đán (không bám đường Tổ Hữu)                  | 3.500   |

| STT   | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                        | Mức giá |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 7     | Đường quy hoạch khu tái định cư phường Thịnh Đán và xã Quyết Thắng                           |         |
| 7.1   | Từ đường Tổ Hữu vào khu tái định cư, đường quy hoạch rộng 41m (đường đối)                    | 4.500   |
| 7.2   | Đường rộng 15m                                                                               | 3.500   |
| 7.3   | Đường rộng < 15m                                                                             | 3.300   |
| 8     | Ngõ số 70: Đi xóm Gò Móc, vào 150m                                                           | 1.500   |
| 9     | Ngõ số 80; 100: Rẽ đi Chùa Cả, vào 500m                                                      | 1.400   |
| 10    | Rẽ đi Sơn Tiến gặp đường Z115, có mặt đường bê tông $\geq 3\text{m}$                         | 2.000   |
| 11    | Rẽ xóm Cây Xanh (đối diện X84), vào 100m                                                     | 1.200   |
| 12    | Rẽ đến quán 300                                                                              | 1.100   |
| 12.1  | Các đường rẽ trên tuyến là đường bê tông liên xã $\geq 2,5\text{m}$ , vào 200m               | 1.000   |
| 13    | Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà Văn hóa Núi Nền, Nhà văn hóa Đồng Kiệm, Nhà văn hóa Nhà thờ   |         |
| 13.1  | Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà Văn hóa Núi Nền                                               | 1.300   |
| 13.2  | Nhà Văn hóa Núi Nền đến Nhà Văn hóa Nhà thờ                                                  | 1.100   |
| 13.3  | Nhà Văn hóa Núi Nền đến Nhà Văn hóa Đồng Kiệm                                                | 1.100   |
| 14    | Rẽ từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà Văn hóa xóm Giữa 2                                            | 1.300   |
| 15    | Nhà Văn hóa xóm Giữa 2 vào đến Nhà văn hóa xóm Giữa 1                                        | 1.100   |
| 16    | Rẽ từ đường Tổ Hữu theo 2 đường                                                              |         |
| 16.1  | Từ đường Tổ Hữu vào đến Nhà Văn hóa xóm Cây Thị                                              | 1.300   |
| 16.2  | Từ Nhà Văn hóa xóm Cây Thị đến Nhà Văn hóa xóm Đèo Đá                                        | 1.000   |
| 17    | Rẽ đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân                                                                |         |
| 17.1  | Từ đường Tổ Hữu vào đến Trạm Y tế xã Phúc Xuân                                               | 1.500   |
| 17.2  | Từ Trạm Y tế xã Phúc Xuân đến Nhà Văn hóa xóm Xuân Hòa                                       | 1.200   |
| 18    | Rẽ từ đường Tổ Hữu đến Nhà Văn hóa xóm Đồng Lạnh                                             | 1.100   |
| 19    | Từ Nhà Văn hóa xóm Đồng Lạnh đến đập tràn xã Phúc Triu                                       | 1.300   |
| 20    | Rẽ vào đến Nhà Văn hóa xóm Cây Si                                                            | 1.000   |
| 21    | Rẽ vào đến Nhà Văn hóa xóm Xuân Hòa                                                          | 1.300   |
| 22    | Rẽ vào đến ngã 3 Khuôn Năm Dộc Lầy                                                           |         |
| 22.1  | Rẽ vào đến Nhà Văn hóa xóm Dộc Lầy                                                           | 1.300   |
| 22.2  | Rẽ vào đến Nhà Văn hóa xóm Dộc Lầy đến Nhà Văn hóa xóm Khuôn Năm                             | 1.000   |
| 23    | Rẽ vào xưởng nông cụ 1 cũ, vào 100m                                                          | 1.000   |
| 24    | Từ ngã ba đi đảo Nam Hồ Núi Cốc đến đỉnh đèo Cao Trắng                                       | 1.700   |
| 25    | Từ đường Phúc Xuân đến xóm rừng Chùa xã Phúc Triu                                            | 1.300   |
| 26    | Từ đường Tổ Hữu đến hết khách sạn Đông Á III                                                 | 1.500   |
| LVIII | <b>ĐƯỜNG TÂN CƯƠNG (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Tân Cương đến đường Nam Hồ Núi Cốc)</b> |         |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                            | Mức giá |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1          | Từ đường Quang Trung đến Nhà Văn hóa tổ 7, phường Thịnh Đán                                      | 4.200   |
| 2          | Từ Nhà Văn hóa tổ 7, phường Thịnh Đán đến ngã ba quán 300                                        | 3.000   |
| 3          | Từ ngã ba quán 300 đến ngã ba đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương                           | 2.300   |
| 4          | Từ đường rẽ vào Trường Mầm non xã Tân Cương đến đường rẽ đi bãi rác                              | 2.000   |
| 5          | Từ đường rẽ đi bãi rác đến gặp đường Nam Hồ Núi Cốc (đập chính Hồ Núi Cốc)                       | 1.700   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                  |         |
| 1          | Từ đường Tân Cương đến rẽ cổng chính xóm Chợ đi qua xóm Soi Mít gặp đường Tân Cương              |         |
| 1.1        | Từ hai đầu đường Tân Cương, vào 300m                                                             | 1.100   |
| 1.2        | Đoạn còn lại trong tuyến                                                                         | 1.000   |
| 2          | Từ đường Tân Cương vào xóm Soi Mít                                                               | 800     |
| 3          | Rẽ Chùa Y Na, vào 500m                                                                           | 1.300   |
| 4          | Rẽ đi Núi Guộc, vào 500m                                                                         | 1.300   |
| 5          | Rẽ Trường Mầm non xã Tân Cương vào hết đất Trạm Y tế xã Tân Cương                                | 1.300   |
| 5.1        | Từ hết đất Trạm Y tế xã Tân Cương + 200m                                                         | 1.100   |
| 6          | Rẽ đến cổng Trường Trung học cơ sở Tân Cương                                                     | 800     |
| 7          | Rẽ đi Khu xử lý rác thải rắn đến ngầm Hồng Thái                                                  | 800     |
| 8          | Các trục liên xóm, liên xã khác là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 200m | 800     |
| <b>LIX</b> | <b>ĐƯỜNG THỊNH ĐỨC (Từ đường Quang Trung qua UBND xã Thịnh Đức đến hết đất thành phố)</b>        |         |
| 1          | Từ đường Quang Trung đến giáp đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên                           | 2.500   |
| 2          | Từ đất Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên đến đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382                  | 2.200   |
| 3          | Từ đường rẽ Trường bắn Lữ đoàn 382 đến ngã 3 đi Sông Công                                        | 2.000   |
| 4          | Từ ngã 3 đi Sông Công đến hết đất thành phố                                                      | 1.500   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                  |         |
| 1          | Từ ngã 3 đi Sông Công đến Trại ngựa Bá Vân (hết đất xã Thịnh Đức)                                | 800     |
| 2          | Các trục liên xóm, liên xã, là đường bê tông có mặt đường rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 200m     | 800     |
| 3          | Đường trong khu dân cư số 1, xã Thịnh Đức                                                        |         |
| 3.1        | Đường rộng 17m                                                                                   | 1.100   |
| 3.2        | Đường rộng 15m                                                                                   | 900     |
| <b>LX</b>  | <b>ĐƯỜNG PHÚC XUÂN (Từ đường Tổ Hữu đến đường Phúc Trìu)</b>                                     |         |
| 1          | Toàn tuyến                                                                                       | 1.300   |
|            | <b>Trục phụ</b>                                                                                  |         |
| 1          | Từ đường Phúc Xuân rẽ theo 2 đường đến Nhà Văn hóa xóm Long Giang                                | 800     |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                         | Mức giá |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>LXI</b>   | <b>ĐƯỜNG PHÚC TRIU (Từ đường Tân Cương đi dọc theo kênh Núi Cốc đến đường Nam Núi Cốc)</b>    |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                    | 1.000   |
| <b>LXII</b>  | <b>ĐƯỜNG NAM NÚI CỐC (Từ đường Phúc Triu đến đường Tổ Hữu)</b>                                |         |
| 1            | Toàn tuyến                                                                                    | 1.200   |
| <b>LXIII</b> | <b>ĐƯỜNG DƯƠNG TỰ MINH (Từ ngã ba Mỏ Bạch đến Km76, Quốc lộ 3)</b>                            |         |
| 1            | Từ ngã ba Mỏ Bạch đến gặp đường đê Mỏ Bạch                                                    | 19.000  |
| 2            | Từ đường đê Mỏ Bạch đến cầu Mỏ Bạch                                                           | 13.000  |
| 3            | Từ cầu Mỏ Bạch đến cổng nhà máy Z127                                                          | 6.000   |
| 4            | Từ cổng nhà máy Z127 đến cầu Tân Long                                                         | 6.600   |
| 5            | Từ cầu Tân Long đến đảo tròn Tân Long                                                         | 6.000   |
| 6            | Từ đảo tròn Tân Long đến Km76, Quốc lộ 3                                                      | 5.500   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                               |         |
| 1            | Đường rẽ vào cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch đến khu dân cư Sở Xây dựng                              |         |
| 1.1          | Từ đường Dương Tự Minh đến cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch cũ                                        | 6.000   |
| 1.2          | Từ cổng Nhà máy xay Mỏ Bạch cũ đến khu dân cư Sở Xây dựng có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$    | 4.800   |
| 1.3          | Từ Nhà máy xay Mỏ Bạch cũ rẽ trái vào 100m                                                    | 3.600   |
| 2            | Ngõ số 20/1: Rẽ vào Khu tập thể Cầu đường, vào 150m                                           | 3.000   |
| 3            | Ngõ số 885: Vào đến đất Doanh nghiệp may Tháng Tám                                            | 3.600   |
| 4            | Ngõ số 962: Rẽ vào chợ Quang Vinh mới                                                         |         |
| 4.1          | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                              | 2.500   |
| 4.2          | Qua 100m đến 200m rẽ về 2 phía                                                                | 2.300   |
| 4.3          | Tiếp theo 2 phía có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , nhưng $< 3,5\text{m}$         | 2.000   |
| 5            | Ngõ số 882: Rẽ vào xóm Thần Vi                                                                |         |
| 5.1          | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                              | 2.500   |
| 5.2          | Qua 100m đến 200m                                                                             | 2.300   |
| 5.3          | Qua 200m tiếp theo đến ngã ba đi Nghĩa trang Thần Vi                                          | 2.000   |
| 5.4          | Các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m            | 1.700   |
| 6            | Ngõ số 865 và ngõ rẽ cạnh UBND phường Quang Vinh, vào đến Nhà Văn hóa tổ 8, phường Quang Vinh | 3.000   |
| 7            | Ngõ số 845: Rẽ vào cổng phụ Công ty nhiệt điện Cao Ngạn                                       |         |
| 7.1          | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                              | 4.200   |
| 7.2          | Qua 100m đến Nhà Văn hóa Điện lực                                                             | 3.600   |
| 7.3          | Từ Nhà Văn hóa Điện lực đến hết Trường Mầm non Điện lực                                       | 3.000   |
| 7.4          | Các đường rẽ trong khu dân cư quanh sân bóng có mặt đường bê tông rộng $\geq 3\text{m}$       | 2.500   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                              | Mức giá |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 8    | Ngõ số 719: Rẽ vào cổng chính Công ty nhiệt điện Cao Ngạn                                                          |         |
| 8.1  | Từ đường Dương Tự Minh đến ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn                                          | 4.200   |
| 8.2  | Từ ngã ba rẽ sân bóng Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn đến hết đất Hợp tác xã Cộng Lực                                  | 3.000   |
| 9    | Ngõ số 740: Vào tổ dân phố Tân Thành (đối diện Ngõ số 719 vào Công ty nhiệt điện Cao Ngạn)                         |         |
| 9.1  | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                                                   | 3.000   |
| 9.2  | Qua 100m đến 200m                                                                                                  | 2.500   |
| 9.3  | Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$ , vào 100m                        | 2.000   |
| 10   | Ngõ số 675b: Vào hết đường dân sinh                                                                                | 3.000   |
| 11   | Rẽ cổng nhà máy Z127 đến khu tập thể Z127                                                                          |         |
| 11.1 | Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Z127                                                                           | 4.200   |
| 11.2 | Từ cổng Z127 rẽ theo hàng rào Z127 đến nhà công vụ Z127                                                            | 3.600   |
| 12   | Ngõ rẽ từ đường Dương Tự Minh vào đến nhà công vụ Z127                                                             | 4.800   |
| 12.1 | Từ nhà công vụ Z127 đến gặp chợ Quan Triều                                                                         | 2.300   |
| 12.2 | Các nhánh rẽ trên đường từ nhà công vụ Z127 đến hết khu tập thể Z127 gặp chợ Quan Triều, vào 100m, đường $\geq 2m$ | 1.500   |
| 13   | Ngõ số 615; 647 và 673:                                                                                            |         |
| 13.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                                                   | 2.300   |
| 13.2 | Qua 100m đến 200m                                                                                                  | 1.700   |
| 14   | Ngõ số 616; 618: Rẽ khu dân cư Cửa hàng ăn Quan Triều đến Thư viện Z127                                            | 2.500   |
| 15   | Ngõ số 575: Rẽ vào Ban Quản lý dự án Công ty nhiệt điện Cao Ngạn (ngõ Đá)                                          |         |
| 15.1 | Từ đường Dương Tự Minh vào đến cổng Ban quản lý dự án                                                              | 3.000   |
| 15.2 | Từ cổng Ban quản lý dự án đi khu dân cư Xây lắp cũ có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5m$                           | 2.000   |
| 16   | Ngõ số 527: Rẽ theo hàng rào Bưu điện Quan Triều vào đến ngã 3                                                     | 3.000   |
| 17   | Ngõ số 511: Rẽ theo đường sắt cũ                                                                                   |         |
| 17.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                                                   | 2.500   |
| 17.2 | Từ qua 100m đến 300m                                                                                               | 2.000   |
| 17.3 | Nhánh đường sắt cũ rẽ sang hội trường đồ gỗ khu tái định cư bằng tải than                                          | 2.000   |
| 18   | Rẽ vào đến cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ                                                                 | 3.600   |
| 18.1 | Từ cổng Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ rẽ theo hàng rào Nhà máy Giấy Hoàng Văn Thụ đến gặp đường goòng cũ      | 2.000   |
| 18.2 | Nhánh rẽ vào khu tái định cư tuyến bằng tải than đi gặp ngõ số 511                                                 | 2.500   |
| 18.3 | Nhánh rẽ theo hàng rào sân vận động Công ty cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ có đường rộng $\geq 3,5m$                   | 2.500   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                      | Mức giá |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 19   | Ngõ số 451; 698; 641; 636: Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                | 2.300   |
| 20   | Rẽ vào đường goòng 2 bên                                                                   |         |
| 20.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                                           | 2.000   |
| 20.2 | Qua 100m đến 250m                                                                          | 1.500   |
| 21   | Ngõ số 714: Từ đường Dương Tự Minh, vào 100m                                               | 2.300   |
| 22   | Ngõ số 335: Rẽ vào khu dân cư tổ 6, phường Tân Long, vào 100m                              | 1.500   |
| 23   | Ngõ rẽ từ số nhà 370; 404, vào 100m                                                        | 1.500   |
| 24   | Rẽ theo hàng rào Cơ khí 3/2                                                                |         |
| 24.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 200m                                                           | 1.700   |
| 24.2 | Đường trục ngang trong khu dân cư 3/2 rộng $\geq 3,5m$                                     | 1.500   |
| 25   | Rẽ vào xưởng 100                                                                           |         |
| 25.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 150m                                                           | 1.700   |
| 25.2 | Đường ngang trong khu dân cư có đường rộng $\geq 3,5m$                                     | 1.500   |
| 26   | Ngõ số 236: Rẽ vào Trại giam Công an thành phố cũ, vào 100m                                | 1.700   |
| 27   | Rẽ vào khu dân cư tổ 9, phường Tân Long                                                    |         |
| 27.1 | Từ đường Dương Tự Minh, vào 150m                                                           | 1.700   |
| 27.2 | Qua 150m đến 250m tiếp theo                                                                | 1.500   |
| 28   | Ngõ số 146: Rẽ đến Nhà Văn hóa tổ 11, phường Tân Long (Công ty Cổ phần Vận tải ô tô số 10) | 1.700   |
| 29   | Ngõ số 163: Rẽ vào khu tập thể Nhà máy Sứ, vào 200m                                        | 1.700   |
| 30   | Ngõ số 139: Vào UBND phường Tân Long                                                       |         |
| 30.1 | Từ đường Dương Tự Minh qua UBND phường Tân Long đến ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long | 2.500   |
| 30.2 | Từ ngã ba Trường Trung học cơ sở Tân Long đến cổng Trường Tiểu học Tân Long                | 2.000   |
| 30.3 | Nhánh rẽ từ trục phụ vào khu dân cư số 2, phường Tân Long                                  | 2.000   |
| 31   | Ngõ số 128: Rẽ vào tổ 20, phường Tân Long                                                  |         |
| 31.1 | Từ đường Dương Tự Minh vào đến ngã ba (hết đất Trường Mầm Non phường Tân Long)             | 2.000   |
| 31.2 | Từ ngã ba rẽ theo về 2 phía đến cổng chui tuyến tránh Quốc lộ 3                            | 1.700   |
| 32   | Khu dân cư tái định cư phường Tân Long                                                     |         |
| 32.1 | Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 16,5m$                                                | 2.000   |
| 32.2 | Các ô bóm đường quy hoạch rộng $\geq 9m$ , nhưng $< 16,5m$                                 | 1.700   |
| 33   | Ngõ số 77: Rẽ khu dân cư tổ 15, vào 100m                                                   | 1.700   |
| 34   | Ngõ số 45: Rẽ khu dân cư tổ 16, vào 100m                                                   | 1.700   |
| 35   | Đường rẽ vào đồi PAM tổ 16, vào 100m                                                       | 2.000   |
| 36   | Ngõ số 62; 80; 99; 246: Vào 100m                                                           | 1.700   |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                              | Mức giá |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| <b>LXIV</b> | <b>ĐƯỜNG QUANG VINH (Từ đường Dương Tự Minh qua Trường Trung học cơ sở Quang Vinh đi gặp đường Bắc Kạn)</b>        |         |
| 1           | Từ đường Dương Tự Minh đến hết đất Trường Tiểu học Quang Vinh, có đường $\geq 19,5\text{m}$                        | 5.600   |
| 2           | Từ đất Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà Văn hóa tổ 14                                                            | 4.200   |
| 3           | Từ Nhà văn hóa tổ 14 ra gặp đường Bắc Kạn                                                                          | 2.500   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                    |         |
| 1           | Rẽ vào khu dân cư quy hoạch Nhà máy xay Mỏ Bạch (rẽ sau Công an phường Quang Vinh), vào 100m                       | 2.400   |
| 2           | Rẽ vào tổ 10, phường Quang Vinh, vào 200m                                                                          | 2.400   |
| 3           | Rẽ vào tổ 11, tổ 12, phường Quang Vinh vào 150m, có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                          | 2.400   |
| 4           | Đường còn lại trong khu dân cư số 1 Quang Vinh đã xây dựng xong hạ tầng: Đường rộng $\geq 9\text{m}$               | 4.800   |
| 5           | Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Trường Tiểu học Quang Vinh đến Nhà Văn hóa tổ 14), vào 150m           | 3.000   |
| 6           | Các nhánh rẽ trên đường Quang Vinh, (đoạn từ Nhà Văn hóa tổ 14 đến đường Bắc Kạn), vào 150m                        | 1.300   |
| 7           | Từ Nhà Văn hoá tổ 14 đến Nhà Văn hoá tổ 17                                                                         | 1.300   |
| <b>LXV</b>  | <b>ĐƯỜNG QUAN TRIỀU (Từ đường Dương Tự Minh vào đến ga Quan Triều)</b>                                             |         |
| 1           | Từ đường Dương Tự Minh đến hết đất Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên              | 4.800   |
| 2           | Từ giáp đất Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên đến Ga Quan Triều                   | 4.400   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                    |         |
| 1           | Rẽ theo hàng rào chợ Quan Triều, vào 50m                                                                           | 2.100   |
| 2           | Rẽ từ đường Quan Triều vào khu dân cư Công ty cổ phần Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Thái Nguyên, vào 100m | 1.800   |
| 3           | Các đường trong khu dân cư số 3, phường Quan Triều đã xong hạ tầng                                                 |         |
| 3.1         | Đường rộng $\geq 16,5\text{m}$ đến $19,5\text{m}$                                                                  | 3.800   |
| 3.2         | Đường rộng $\geq 14,5\text{m}$ nhưng $< 16,5\text{m}$                                                              | 3.700   |
| 3.3         | Đường rộng $\geq 12,5\text{m}$ nhưng $< 14,5\text{m}$                                                              | 3.300   |
| 4           | Rẽ từ đường Quan Triều đi tổ dân phố 15 (đối diện đường vào cầu Chui cũ)                                           |         |
| 4.1         | Vào 100m                                                                                                           | 2.100   |
| 4.2         | Từ 100m đến 300m                                                                                                   | 1.500   |
| 5           | Rẽ từ Ga Quan Triều theo đường sắt vào 100m, có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$                                   | 1.500   |
| 6           | Các nhánh khác rẽ từ đường Quan Triều vào 100m có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                            | 1.500   |
| <b>LXVI</b> | <b>ĐƯỜNG PHÚC HÀ (Từ đường Dương Tự Minh đến đường Tố Hữu)</b>                                                     |         |
| 1           | Từ đường Dương Tự Minh, vào 150m                                                                                   | 2.400   |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                             | Mức giá |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2            | Qua 150m đến ngã 3 rẽ Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ                                                        | 1.800   |
| 3            | Từ ngã 3 rẽ Trường Trung học cơ sở Hoàng Văn Thụ đến ngã 3 cổng cân                                               | 1.300   |
| 4            | Từ ngã ba cổng cân đến đường sắt đi Ga B Núi Hồng                                                                 | 900     |
| 5            | Từ đường sắt đi Ga B Núi Hồng đến cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3                                                  | 1.000   |
| 6            | Từ cầu vượt đường tránh Quốc lộ 3 đến hết đất xã Phúc Hà                                                          | 900     |
| 7            | Từ hết đất xã Phúc Hà đến gặp đường Tổ Hữu                                                                        | 1.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1            | Rẽ khu dân cư tổ 17, phường Quan Triều, vào 150m                                                                  | 2.200   |
| 2            | Từ ngã 3 rẽ đi gặp Trường Mầm non Quan Triều                                                                      | 1.500   |
| 3            | Từ cổng Trường Mầm non Quan Triều đến hết đất Trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ                                       | 2.400   |
| 4            | Từ trạm cân đến cổng Trạm bảo vệ số 1 Mỏ than Khánh Hòa                                                           | 850     |
| 5            | Từ khu tái định cư số 2 Phúc Hà đến khu trung tâm hành chính xã Phúc Hà                                           | 800     |
| 6            | Rẽ đến Đài tưởng niệm xã Phúc Hà                                                                                  | 800     |
| 7            | Từ cổng Đồng Quan đến cổng Nhà máy xi măng Quan Triều                                                             | 800     |
| 7.1          | Rẽ vào UBND xã Phúc Hà                                                                                            | 800     |
| 8            | Các trục phụ khác liên xóm, liên xã có đường bê tông $\geq 2,5m$ , vào 200m                                       | 800     |
| <b>LXVII</b> | <b>ĐƯỜNG THỐNG NHẤT (Từ đường Bắc Nam đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi gặp đường 3/2)</b>                  |         |
| 1            | Từ ngã 3 Bắc Nam đến đường sắt Hà Thái                                                                            | 10.200  |
| 2            | Đường sắt Hà Thái đến hết đất Xí nghiệp may Việt Thái                                                             | 8.500   |
| 3            | Giáp đất xí nghiệp may Việt Thái đến ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi                                          | 7.200   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                   |         |
| 1            | Ngõ số 160: Rẽ đi tổ 12, phường Đồng Quang                                                                        |         |
| 1.1          | Từ đường Thống Nhất vào đến cổng Khách sạn Hải Yến                                                                | 3.600   |
| 1.2          | Từ cổng Khách sạn Hải Yến rẽ 2 phía đến 100m                                                                      | 3.000   |
| 2            | Ngõ số 279: Rẽ theo hàng rào Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thái Nguyên đến hết đất Ngân hàng | 3.600   |
| 3            | Ngõ số 301: Đi tổ 24, phường Gia Sàng gặp đường Tân Quang                                                         |         |
| 3.1          | Vào 100m                                                                                                          | 3.000   |
| 3.2          | Qua 100m đến gặp đường Tân Quang                                                                                  | 2.500   |
| 4            | Ngõ số 321: Rẽ khu dân cư Bách hóa                                                                                | 2.500   |
| 4.1          | Từ đường Thống Nhất, vào 100m                                                                                     | 2.500   |
| 4.2          | Qua 100m đến 250m                                                                                                 | 2.300   |
| 5            | Ngõ số 339: Rẽ cạnh ki ốt xăng                                                                                    |         |
| 5.1          | Từ đường Thống Nhất vào đến ngã tư đầu tiên                                                                       | 3.600   |
| 5.2          | Từ ngã tư đầu tiên rẽ đi 2 phía và đi Nhà Văn hóa tổ 25                                                           | 3.000   |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                       | Mức giá |
|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 6             | Ngõ số 350: Rẽ tổ 13, phường Đồng Quang, vào 150m                                                           | 2.500   |
| 7             | Ngõ số 389: Rẽ theo đường sắt Hà Thái                                                                       |         |
| 7.1           | Từ đường Thống Nhất, vào 100m                                                                               | 2.500   |
| 7.2           | Qua 100m đến 250m                                                                                           | 2.300   |
| 8             | Ngõ số 1: Rẽ vào Nhà Văn hóa tổ 1A, 1B, vào 100m (song song đường sắt Hà Thái)                              | 2.300   |
| 9             | Ngõ số 77; 89: Vào hết khu dân cư số 3 Tân Lập đã xong hạ tầng                                              | 3.000   |
| 10            | Ngõ số 294:                                                                                                 |         |
| 10.1          | Từ đường Thống Nhất đến cổng Công ty cổ phần Vận tải ô tô                                                   | 3.000   |
| 10.2          | Cổng Công ty cổ phần Vận tải ô tô qua cổng Trường Lê Văn Tám đến Nhà Văn hóa tổ 17                          | 2.300   |
| 11            | Ngõ số 151: Rẽ Công ty Kim khí Thái Nguyên và Trạm đăng kiểm giao thông                                     |         |
| 11.1          | Từ đường Thống Nhất, vào 100m                                                                               | 3.600   |
| 11.2          | Qua 100m đến cổng Công ty Kim khí Thái Nguyên, Trạm đăng kiểm giao thông                                    | 3.000   |
| 12            | Ngõ số 153: Rẽ khu dân cư xưởng đậu và chợ Chè Hương, vào 100m                                              | 2.500   |
| 13            | Ngõ số 209; 231: Rẽ cạnh Xí nghiệp may Việt Thái                                                            |         |
| 13.1          | Vào 150m                                                                                                    | 2.300   |
| 13.2          | Qua 150m đến Nhà Văn hóa tổ 2, phường Tân Lập                                                               | 2.000   |
| 14            | Ngõ số 478 rẽ khu dân cư tập thể Trường Cao đẳng Thương Mại Trung ương 4, vào 150m                          | 3.000   |
| 15            | Ngõ số 287: Rẽ đối diện đường Phú Thái, vào 150m                                                            | 2.500   |
| 16            | Ngõ số 289: Rẽ theo hàng rào Xí nghiệp quản lý giao thông đến hết khu tập thể có đường bê tông $\geq 2,5$ m | 2.700   |
| 17            | Ngõ số 556 vào đến Nhà Văn hóa tổ 18, phường Tân Thịnh                                                      | 3.000   |
| 18            | Ngõ rẽ khu tập thể Bệnh viện Lao và bệnh Phổi, vào 100m                                                     | 3.000   |
| 19            | Ngõ số 260: Từ đường Thống Nhất, vào 100m                                                                   | 3.600   |
| <b>LXVIII</b> | <b>PHỐ HỒ ĐẮC DI (Từ đường Thống nhất đến đường Phú Thái)</b>                                               |         |
| 1             | Từ đường Thống Nhất đến hết đoạn đã xong hạ tầng                                                            | 4.200   |
| 2             | Đoạn còn lại đến đường Phú Thái (đường bê tông)                                                             | 3.000   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                             |         |
| 1             | Các đường còn lại trong khu dân cư số 3, phường Tân Thịnh có đường rộng $\geq 5$ m                          | 3.000   |
| <b>LXIX</b>   | <b>ĐƯỜNG 3/2 (Từ đường Thống Nhất đến ngã ba rẽ đường Phố Hương gặp đường 30/4)</b>                         |         |
| 1             | Từ đường Thống Nhất (ngã 3 rẽ Bệnh viện Lao và bệnh Phổi) đến ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính      | 6.000   |
| 2             | Từ ngã tư Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính đến hết đất Trường Tiểu học Tân Lập                             | 5.500   |
| 3             | Từ hết đất Trường Tiểu học Tân Lập đến đường rẽ vào Ga Lưu Xá                                               | 6.000   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                   | Mức giá |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 4    | Từ đường rẽ vào Ga Lưu Xá đến rẽ đường Phú Xá                                           | 8.400   |
| 5    | Từ rẽ đường Phú Xá đến Trường Trung học cơ sở Tích Lương                                | 6.000   |
| 6    | Từ Trường Trung học cơ sở Tích Lương đến ngã 3 Phố Hương                                | 5.000   |
|      | <b>Trục phụ</b>                                                                         |         |
| 1    | Rẽ vào Quốc lộ 3 (tuyến tránh thành phố), vào 250m                                      | 4.200   |
| 2    | Ngõ số 401: Rẽ đối diện Trường Cao đẳng Kinh tế Tài chính, vào 150m                     | 2.500   |
| 3    | Ngõ rẽ đến cổng Xí nghiệp 19/5                                                          | 3.000   |
| 4    | Ngõ số 118: Rẽ đối diện đường vào Xí nghiệp 19/5, vào 150m                              | 2.000   |
| 5    | Ngõ số 146: Rẽ cạnh Công an phường Tân Lập, vào 150m                                    | 2.300   |
| 6    | Ngõ số 168: Rẽ khu dân cư số 1 Tân Lập                                                  |         |
| 6.1  | Vào 150m                                                                                | 3.600   |
| 6.2  | Qua 150m và các đường quy hoạch rộng $\geq 9m$ ,                                        | 3.000   |
| 6.3  | Các đường quy hoạch rộng $\geq 5m$ , nhưng $< 9m$                                       | 2.500   |
| 7    | Ngõ số 547: Rẽ hết cụm công nghiệp số 2 Tân Lập                                         | 3.600   |
| 8    | Ngõ số 226: Vào 150m                                                                    | 2.500   |
| 9    | Rẽ từ cạnh số nhà 631 vào đến hết khu dân cư xưởng thực nghiệm                          | 2.500   |
| 10   | Ngõ số 272: Vào Nhà khách Kim Loại màu                                                  |         |
| 10.1 | Từ đường 3/2, vào 100m                                                                  | 3.000   |
| 10.2 | Qua 100m đến sân bóng                                                                   | 2.500   |
| 11   | Ngõ số 709: Rẽ vào đến cổng Công ty 472                                                 | 2.700   |
| 12   | Ngõ số 360: Vào 100m (đối diện đường vào Công ty 472)                                   | 2.500   |
| 13   | Ngõ số 775: Vào 100m (đối diện Ki ốt xăng dầu Hùng Hà)                                  | 2.000   |
| 14   | Ngõ số 801: Rẽ theo hàng rào Doanh nghiệp Hà Thanh, vào 200m                            | 2.000   |
| 15   | Ngõ rẽ cạnh cây xăng Mạnh Hùng                                                          |         |
| 15.1 | Từ đường 372, vào 200m                                                                  | 2.500   |
| 15.2 | Qua 200m đến 450m                                                                       | 2.000   |
| 16   | Ngõ rẽ vào xóm Ba Nhất đến sân vận động Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên |         |
| 16.1 | Từ đường 3/2, vào 200m                                                                  | 3.000   |
| 16.2 | Qua 200m đến sân vận động                                                               | 2.500   |
| 17   | Rẽ vào Ga Lưu Xá                                                                        |         |
| 17.1 | Từ đường 3/2 đến cổng Văn phòng Công ty Kim loại màu                                    | 4.200   |
| 17.2 | Cổng văn phòng Công ty Kim loại màu đến cổng xưởng sản xuất của Công ty Kim loại màu    | 2.500   |
| 17.3 | Từ cổng xưởng sản xuất của Công ty Kim loại màu đến Ga Lưu Xá                           | 2.000   |
| 18   | Rẽ khu dân cư quy hoạch đường Ga Lưu Xá                                                 |         |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                          | Mức giá |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 18.1        | Từ đường Ga Lưu Xá, vào 150m                                                   | 3.000   |
| 18.2        | Đoạn còn lại và các đường khác trong khu dân cư quy hoạch                      | 2.500   |
| 19          | Ngõ rẽ cạnh Bưu điện Phú Xá vào khu dân cư tổ 11, vào 100m                     | 2.500   |
| 20          | Từ đường 3/2 rẽ Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh Thái Nguyên (cũ) |         |
| 20.1        | Từ đường 3/2, vào 200m                                                         | 4.200   |
| 20.2        | Qua 200m đến Nhà Văn hóa xóm Bắc Lương                                         | 2.500   |
| 20.3        | Từ Nhà Văn hóa xóm Bắc Lương đến nghĩa trang xã Tích Lương                     | 1.500   |
| 21          | Rẽ xóm Cầu Thông đến đập giếng Cỏi                                             | 2.000   |
| 22          | Ngõ số 1307 rẽ vào khu dân cư tổ 27, 28, phường Phú Xá: Từ đường 3/2, vào 150m | 2.700   |
| 23          | Ngõ số 1431 rẽ vào khu dân cư tổ 29, phường Phú Xá: Từ đường 3/2, vào 150m     | 2.500   |
| 24          | Rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Hào Thọ                                                 |         |
| 24.1        | Từ đường 3/2, vào 200m                                                         | 3.000   |
| 24.2        | Tiếp theo đến ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương                            | 2.000   |
| 24.3        | Từ ngã 3 cổng Trường Tiểu học Tích Lương tiếp theo đi 2 phía 250m              | 1.700   |
| 25          | Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 1), vào 200m                                      | 3.000   |
| 26          | Rẽ Hồ nước Tích Lương (đường 2), vào 200m                                      | 2.300   |
| 27          | Rẽ xóm Trung Lương đến Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim                          |         |
| 27.1        | Từ đường 3/2, vào 200m                                                         | 2.300   |
| 27.2        | Qua 200m đến 450m                                                              | 1.700   |
| 27.3        | Qua 450m đến đất Trường Cao đẳng nghề Luyện Kim                                | 1.400   |
| 28          | Rẽ Nhà Văn hóa xóm Trung Lương, vào 200m                                       | 2.000   |
| 29          | Rẽ đối diện Ki ốt xăng dầu số 2 Tích Lương đến gặp đường sắt Hà Thái           |         |
| 29.1        | Từ đường 3/2, vào 100m                                                         | 2.800   |
| 29.2        | Qua 100m đến đường sắt Hà Thái                                                 | 2.000   |
| <b>LXX</b>  | <b>ĐƯỜNG PHÚ XÁ (Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường 3/2)</b>               |         |
| 1           | Từ đường Cách mạng tháng Tám đến đường sắt Hà Thái                             | 5.000   |
| 2           | Từ đường sắt Hà Thái đến đường rẽ nghĩa trang phường Phú Xá                    | 4.500   |
| 3           | Từ đường rẽ Nghĩa trang phường Phú Xá đến gặp đường 3/2                        | 5.500   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                |         |
| 1           | Ngõ số 83: Rẽ vào UBND phường Phú Xá đến Khu tập thể đường sắt                 | 2.500   |
| 2           | Ngõ rẽ vào nghĩa trang phường Phú Xá                                           | 2.000   |
| 3           | Các ngõ số 47, 56, 101: vào 100m                                               | 2.000   |
| <b>LXXI</b> | <b>ĐƯỜNG 30/4 (Từ ngã ba rẽ đường Phố Hương đến hết đất thành phố)</b>         |         |
| 1           | Từ ngã ba Phố Hương đến cầu Ba cống                                            | 4.000   |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                            | Mức giá |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2             | Từ cầu Ba cống đến hết đất thành phố Thái Nguyên                                                                                 | 5.000   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                  |         |
| 1             | Rẽ vào Trường Cao đẳng Công Thương                                                                                               |         |
| 1.1           | Từ đường 30/4, vào 200m                                                                                                          | 2.200   |
| 1.2           | Qua 200m đến cổng Trường Cao đẳng Công Thương                                                                                    | 1.800   |
| 1.3           | Các nhánh rẽ trên trục phụ có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m                                                   | 1.200   |
| 2             | Rẽ cạnh Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Trung Thành, có đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$                                     |         |
| 2.1           | Từ đường 30/4, vào 100m                                                                                                          | 1.500   |
| 2.2           | Qua 100m đến 350m                                                                                                                | 1.300   |
| <b>LXXII</b>  | <b>ĐƯỜNG TÍCH LƯƠNG (Từ đường 3/2 đến Lữ đoàn 210, Quân khu I)</b>                                                               |         |
| 1             | Từ đường 3/2 vào hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên                                         | 6.000   |
| 2             | Từ hết đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên + 300m                                                | 4.800   |
| 3             | Từ qua đất xưởng thực hành Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên 300m đến cầu hết đất Lữ đoàn 210, Quân khu I          | 2.000   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                  |         |
| 1             | Rẽ Nhà Văn hóa xóm Cầu Thông, vào 200m                                                                                           | 1.300   |
| 2             | Rẽ Nhà Văn hóa xóm Tung, vào 200m                                                                                                | 1.300   |
| 3             | Các đường quy hoạch trong khu tái định cư Quốc lộ 3 mới (xóm Núi Dài)                                                            | 1.800   |
| 4             | Rẽ khu dân cư Nam Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên                                                                       |         |
| 4.1           | Đường rộng từ 19,5m đến $< 27\text{m}$                                                                                           | 3.600   |
| 4.2           | Đường rộng từ 14,5m đến $< 19,5\text{m}$                                                                                         | 3.000   |
| 4.3           | Các đường còn lại trong khu quy hoạch                                                                                            | 2.400   |
| <b>LXXIII</b> | <b>ĐƯỜNG PHỐ HƯƠNG (Từ đường sắt đi Kép đến đường 3/2)</b>                                                                       |         |
| 1             | Đường sắt đi Kép đến gặp đường Gang Thép                                                                                         | 5.400   |
| 2             | Từ đường Gang Thép đến giáp đất phân hiệu 2 Trường Cao đẳng Cơ khí Luyện kim                                                     | 6.600   |
| 3             | Từ giáp đất phân hiệu 2 Trường cao đẳng Cơ khí Luyện kim đến ngã tư khu dân cư số 1, phường Trung Thành (gặp đường Lưu Nhân Chú) | 4.800   |
| 4             | Từ ngã tư khu dân cư số 1, phường Trung Thành đến hết khu dân cư                                                                 | 6.600   |
| 5             | Từ hết khu dân cư số 1, phường Trung Thành đến gặp đường 3/2                                                                     | 3.600   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                                  |         |
| 1             | Các đường còn lại trong khu dân cư số 1, phường Trung Thành, đã xong hạ tầng                                                     | 3.600   |
| 2             | Hai ngõ rẽ theo hàng rào Nhà trẻ 1/5 đến hết đất Nhà trẻ                                                                         | 2.400   |
| 3             | Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 25 và 37: Vào 100m                                                                                         | 2.400   |
| 4             | Các ngõ rẽ trên đường Phố Hương đoạn từ chợ Dốc Hanh đến ngã 4 đường                                                             | 2.600   |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                 | Mức giá |
|--------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|              | Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ , vào 150m                                      |         |
| 5            | Từ đường Phố Hương rẽ theo 2 đường vào khu dân cư tập thể Phố Hương                                   |         |
| 5.1          | Rẽ vào 300m                                                                                           | 2.600   |
| 5.2          | Qua 300m đến 500m đường $\geq 3,5\text{m}$                                                            | 2.300   |
| 5.3          | Các đường nhánh khác trong khu dân cư có đường rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m                     | 1.500   |
| <b>LXXIV</b> | <b>ĐƯỜNG GANG THÉP (Từ đường 3/2 qua UBND phường Trung Thành đến đường Lưu Nhân Chú)</b>              |         |
| 1            | Từ đường 3/2 đến rẽ Trường Tiểu học Trung Thành                                                       | 5.400   |
| 2            | Từ rẽ Trường Tiểu học Trung Thành đến rẽ Trường Độc Lập                                               | 9.000   |
| 3            | Từ rẽ Trường Độc lập đến đường Cách Mạng tháng Tám                                                    | 12.000  |
| 4            | Từ đường Cách Mạng tháng Tám (bách hóa Gang Thép), vào 100m                                           | 4.800   |
| 5            | Qua 100m đến 250m                                                                                     | 3.600   |
| 6            | Qua 250m đến cách đường Lưu Nhân Chú 100m                                                             | 2.800   |
| 7            | Từ cách đường Lưu Nhân Chú 100m đến gặp đường Lưu Nhân Chú                                            | 3.600   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                       |         |
| 1            | Rẽ từ cạnh số nhà 299 đến Nhà Văn hóa tổ 3, phường Trung Thành, vào 100m                              | 1.800   |
| 2            | Rẽ từ cạnh số nhà 196 đi tổ dân phố số 19, phường Trung Thành, vào 100m                               | 1.800   |
| 3            | Rẽ từ cạnh số nhà 227 theo hàng rào Trung tâm hướng nghiệp thành phố Thái Nguyên                      |         |
| 3.1          | Rẽ từ cạnh số nhà 227 đến Nhà Văn hóa tổ 2, phường Trung Thành                                        | 1.800   |
| 3.2          | Nhà Văn hóa tổ 2, phường Trung Thành, vào 300m                                                        | 1.300   |
| 4            | Rẽ cạnh Doanh nghiệp tư nhân Hải Long đi tổ dân phố số 14, vào 100m                                   | 1.800   |
| 5            | Rẽ cạnh Đài tưởng niệm Liệt sỹ phường Trung Thành, vào 100m                                           | 2.400   |
| 6            | Rẽ từ cạnh số nhà 102 vào Trường Tiểu học Trung Thành                                                 |         |
| 6.1          | Từ đường Gang Thép đến ngã ba thứ 2                                                                   | 3.000   |
| 6.2          | Qua ngã ba thứ 2 + 250m tiếp theo                                                                     | 1.800   |
| 7            | Ngõ rẽ cạnh số nhà 153: Rẽ vào Nhà Văn hóa đôi Độc Lập                                                |         |
| 7.1          | Từ đường Gang Thép đến cổng Nhà Văn hóa đôi Độc Lập                                                   | 3.000   |
| 7.2          | Các đường nhánh trong khu dân cư đôi Độc Lập, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m | 1.800   |
| 8            | Ngõ rẽ từ cạnh số nhà 88 (cạnh Kho bạc Lưu Xá cũ) vào đến ngã ba thứ 2                                | 3.000   |
| 9            | Rẽ vào Trường Tiểu học Độc lập                                                                        |         |
| 9.1          | Từ đường Gang Thép đến hết đất Trường Tiểu học Độc Lập                                                | 5.400   |
| 9.2          | Từ giáp đất Trường Tiểu học Độc lập đến hết đất Trường Trung học cơ sở Độc lập                        | 4.200   |
| 9.3          | Các đường nhánh trong khu dân cư đôi Độc Lập có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m  | 1.800   |

| STT         | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                    | Mức giá |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 10          | Rẽ khu dân cư sau Bách hóa Dốc Hanh, vào 150m                                                                            | 2.400   |
| 11          | Từ đường Gang Thép vào đến khu dân cư xí nghiệp năng lượng                                                               | 1.800   |
| 12          | Các nhánh rẽ khác từ bách hóa Gang Thép đến đường Lưu Nhân Chú, có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m  | 1.500   |
| <b>LXXV</b> | <b>ĐƯỜNG LƯU NHÂN CHÚ (Từ đường Phố Hương qua đảo tròn Gang Thép đến cổng phụ Công ty cổ phần Gang Thép Thái Nguyên)</b> |         |
| 1           | Từ ngã tư khu dân cư số 1, phường Trung Thành đến cổng sân vận động Gang Thép                                            | 6.000   |
| 2           | Từ cổng sân vận động Gang Thép đến đảo tròn Gang Thép                                                                    | 7.800   |
| 3           | Từ đảo tròn Gang Thép đến gặp đường Hương Sơn                                                                            | 4.800   |
| 4           | Từ đường Hương Sơn đến gặp ngõ số 261                                                                                    | 4.200   |
| 5           | Từ ngõ số 261 đến gặp đường sắt đi Kép                                                                                   | 5.400   |
| 6           | Từ đường sắt đi Kép đến rẽ đập Suối Cốc (UBND phường Cam Giá cũ)                                                         | 2.400   |
| 7           | Từ rẽ đập Suối Cốc đến cổng phụ Gang Thép                                                                                | 1.800   |
|             | <b>Trục phụ</b>                                                                                                          |         |
| 1           | Ngõ số 537: Vào 50m                                                                                                      | 2.400   |
| 2           | Ngõ số 499; 530: Rẽ khu dân cư Lắp máy điện                                                                              |         |
| 2.1         | Từ đường Lưu Nhân Chú, vào 100m                                                                                          | 2.400   |
| 2.2         | Qua 100m đến 300m có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$                                                                       | 2.200   |
| 2.3         | Các nhánh khác còn lại trong khu dân cư có đường rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m                                      | 1.500   |
| 3           | Ngõ số 513: Đi gặp đường quy hoạch khu dân cư Cán 650                                                                    | 3.600   |
| 3.1         | Các nhánh rẽ khác thuộc đoạn trên có mặt đường rộng $\geq 4,5\text{m}$ , vào 100m                                        | 1.500   |
| 4           | Ngõ số 501: Rẽ khu dân cư Cán 650 (đường chính)                                                                          |         |
| 4.1         | Từ đường Lưu Nhân Chú, vào 200m                                                                                          | 4.200   |
| 4.2         | Qua 200m đến 400m                                                                                                        | 3.000   |
| 4.3         | Qua 400m đến 700m                                                                                                        | 2.300   |
| 4.4         | Các nhánh rẽ trên trục phụ trong khu dân cư Cán 650                                                                      | 1.500   |
| 5           | Ngõ số 423; 465: Rẽ đến Nhà Văn hóa thể thao Gang Thép, vào 150m                                                         | 4.560   |
| 6           | Ngõ số 434: Rẽ sau Ngân hàng Lưu Xá, vào 100m                                                                            | 3.300   |
| 7           | Rẽ cạnh Nhà Văn hóa tổ 27, phường Hương Sơn đi Đồi Sỏi, vào 100m                                                         | 2.400   |
| 8           | Rẽ sau đất Bưu điện Hương Sơn vào hết khu dân cư quy hoạch đường Lưu Nhân Chú                                            | 2.400   |
| 9           | Các đường quy hoạch trong khu dân cư đường Lưu Nhân Chú                                                                  | 3.600   |
| 10          | Rẽ đi tổ 3, phường Hương Sơn vào 200m                                                                                    | 1.800   |
| 11          | Rẽ vào xóm Bình Dân (đối diện Bưu điện Hương Sơn), vào 100m                                                              | 2.400   |
| 12          | Rẽ khu tập thể Nhà máy Luyện Gang                                                                                        |         |
| 12.1        | Từ đường Lưu Nhân Chú, vào 200m                                                                                          | 1.800   |

| STT            | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                  | Mức giá |
|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 12.2           | Các nhánh rẽ từ đường vào khu tập thể Nhà máy Luyện Gang có đường $\geq 3,5\text{m}$ , vào 100m                        | 1.300   |
| 13             | Ngõ số 261: Vào Trường Trung học cơ sở Hương Sơn                                                                       |         |
| 13.1           | Từ đường Lưu Nhân Chú vào hết đất Trường Trung học cơ sở Hương Sơn                                                     | 2.400   |
| 13.2           | Giáp đất Trường Trung học cơ sở Hương Sơn, vào 200m                                                                    | 1.500   |
| 13.3           | Rẽ từ đường Trường Trung học cơ sở Hương Sơn vào Trường Tiểu học Hương Sơn                                             | 1.500   |
| 13.4           | Các nhánh từ đường vào Trường Tiểu học Hương Sơn có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ , vào 150m                           | 1.300   |
| 14             | Đường vào UBND phường Hương Sơn                                                                                        |         |
| 14.1           | Từ đường Lưu Nhân Chú vào đến cổng UBND phường Hương Sơn                                                               | 3.000   |
| 14.2           | Các nhánh rẽ vào khu tập thể Nhà máy Cốc Hóa có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ , vào 150m                               | 1.500   |
| 15             | Rẽ theo đường sắt đi cầu Trần Quốc Bình: Vào 400m                                                                      | 1.100   |
| 16             | Ngõ số 59 (đường trục phường Cam Giá)                                                                                  |         |
| 16.1           | Vào 300m                                                                                                               | 1.500   |
| 16.2           | Qua 300m đến đê Cam Giá                                                                                                | 1.200   |
| <b>LXXVI</b>   | <b>PHỐ TRỊNH BÁ (Từ đường Lưu Nhân Chú đến đường Cách mạng tháng Tám)</b>                                              |         |
| 1              | Từ đường Lưu Nhân Chú đến đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang Thép Thái Nguyên                                       | 1.800   |
| 2              | Từ đường rẽ Công ty cổ phần vận tải Gang Thép Thái Nguyên đến gặp đường Cách mạng tháng Tám                            | 3.000   |
|                | <b>Trục phụ</b>                                                                                                        |         |
| 1              | Ngách rẽ vào Văn phòng Công ty cổ phần vận tải Gang Thép                                                               | 1.800   |
| 2              | Đường liên xóm tổ 26 và 27, phường Cam Giá (các nhánh rẽ trên phố Trịnh Bá vào 100m), có đường rộng $\geq 3,5\text{m}$ | 1.300   |
| <b>LXXVII</b>  | <b>ĐƯỜNG HƯƠNG SƠN (Từ đường Lưu Nhân Chú đến Sông Cầu vào Soi Mít)</b>                                                |         |
| 1              | Từ đường Lưu Nhân Chú, vào 200m                                                                                        | 3.000   |
| 2              | Qua 200m đến hết đất Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên                                          | 2.200   |
| 3              | Từ hết đất Trung tâm Giáo dục Lao động xã hội thành phố Thái Nguyên đến cầu treo                                       | 1.300   |
|                | <b>Trục phụ</b>                                                                                                        |         |
| 1              | Rẽ từ đường Hương Sơn vào khu dân cư đồi F, vào 200m                                                                   | 1.300   |
| 2              | Các nhánh rẽ từ trục phụ đường Hương Sơn vào khu dân cư đồi F có mặt đường bê tông rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 150m  | 1.200   |
| <b>LXXVIII</b> | <b>ĐƯỜNG VÓ NGỰA (Từ đảo tròn Gang Thép đi huyện Phú Bình)</b>                                                         |         |
| 1              | Từ đảo tròn Gang Thép đến rẽ cổng Trường Trung học phổ thông Gang Thép                                                 | 7.200   |

| STT          | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                | Mức giá |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2            | Từ rẽ Trường Trung học phổ thông Gang Thép đến ngã 3 gặp đường Tân Thành                                             | 4.800   |
| 3            | Từ ngã 3 gặp đường Tân Thành đến hết đất phường Tân Thành                                                            | 3.600   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                      |         |
| 1            | Từ đảo tròn Gang Thép rẽ sau khách sạn 5 tầng, vào xóm Bình Dân                                                      |         |
| 1.1          | Từ trục chính, vào 100m                                                                                              | 2.700   |
| 1.2          | Qua 100m đến 200m                                                                                                    | 1.800   |
| 2            | Rẽ Trường Trung học phổ thông Gang Thép: Từ đường Vó Ngựa, vào 100m                                                  | 2.400   |
| 3            | Rẽ vào khu tập thể 2 tầng Bệnh viện Gang Thép cũ                                                                     |         |
| 3.1          | Từ đường Vó Ngựa, vào 100m                                                                                           | 3.000   |
| 3.2          | Qua 100m đến hết đường bê tông $\geq 3m$                                                                             | 2.400   |
| 3.3          | Các nhánh khác trong khu dân cư có đường bê tông $\geq 2,5m$ , vào 150m                                              | 1.500   |
| 4            | Rẽ vào khu B, Trung tâm Giáo dục lao động xã hội thành phố Thái Nguyên                                               |         |
| 4.1          | Từ đường Vó Ngựa, vào 100m                                                                                           | 2.400   |
| 4.2          | Qua 100m đến 250m đường bê tông $\geq 3m$                                                                            | 1.800   |
| 5            | Các nhánh rẽ còn lại thuộc đoạn từ đảo tròn Gang Thép đến ngã ba đường Tân Thành vào 100m, đường bê tông $\geq 2,5m$ | 1.800   |
| <b>LXXIX</b> | <b>ĐƯỜNG TÂN THÀNH (Từ đường vó ngựa đến đường 30/4)</b>                                                             |         |
| 1            | Từ đường Vó Ngựa vào 150m (ngã 3 rẽ tổ 9,10, phường Tân Thành)                                                       | 3.600   |
| 2            | Cách đường Vó Ngựa 150m đến cổng Trường Trung học cơ sở Tân Thành                                                    | 2.400   |
| 3            | Từ cổng Trường Trung học cơ sở Tân Thành đến đường sắt Hà Thái                                                       | 3.000   |
| 4            | Từ đường sắt Hà Thái gặp đường 30/4                                                                                  | 4.200   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                      |         |
| 1            | Các nhánh rẽ từ đường Tân Thành vào 100m có đường bê tông $\geq 2,5m$                                                | 1.200   |
| <b>LXXX</b>  | <b>QUỐC LỘ 1B (CŨ) (Từ cầu Gia Bầy qua đảo tròn Chùa Hang đến hết đất thành phố Thái Nguyên)</b>                     |         |
| 1            | Từ cầu Gia Bầy đến kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh                                                                 | 9.000   |
| 2            | Từ giáp đất kiốt xăng Doanh nghiệp Tiến Thịnh đến cổng Bà Tành                                                       | 6.000   |
| 3            | Từ cổng Bà Tành đến hiệu thuốc Đồng Hỷ                                                                               | 7.200   |
| 4            | Từ giáp đất hiệu thuốc Đồng Hỷ đến hết đất thành phố Thái Nguyên (gần Trạm vật tư nông nghiệp huyện Đồng Hỷ)         | 6.000   |
|              | <b>Trục phụ</b>                                                                                                      |         |
| 1            | Rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Gia Bầy                                                                                       |         |
| 1.1          | Rẽ vào Nhà Văn hóa xóm Gia Bầy, vào 100m                                                                             | 3.000   |
| 1.2          | Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ, đường bê tông $\geq 2,5m$ , vào 100m                                     | 2.500   |
| 2            | Rẽ vào Đình Đồng Tâm                                                                                                 |         |
| 2.1          | Rẽ vào Đình Đồng Tâm, vào 100m                                                                                       | 2.700   |

| STT  | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                   | Mức giá |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2.2  | Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ, đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m | 2.500   |
| 3    | Rẽ vào xóm Đồng Tâm (đối diện đường đi cầu treo cũ) vào 100m                            | 3.000   |
| 4    | Rẽ đi cầu treo cũ, vào 100m                                                             | 3.000   |
| 5    | Rẽ đến Nhà Văn hóa xóm Đồng Tâm                                                         | 3.000   |
| 6    | Rẽ xóm Đông (2 nhánh đối diện kiốt Công ty xăng dầu Bắc Thái), vào 100m                 | 3.000   |
| 7    | Rẽ đi Bến Tượng                                                                         |         |
| 7.1  | Vào đến Nhà Văn hóa xóm Đông                                                            | 3.000   |
| 7.2  | Từ Nhà Văn hóa xóm Đông đến Bến Tượng                                                   | 2.500   |
| 8    | Rẽ vào xóm Văn Thánh, vào 200m                                                          |         |
| 8.1  | Từ Quốc lộ 1B vào đến ngã tư thứ nhất khu dân cư quy hoạch xóm Văn Thánh                | 3.600   |
| 8.2  | Đoạn còn lại đến hết khu quy hoạch                                                      | 2.500   |
| 9    | Rẽ theo hàng rào doanh nghiệp Việt Cường vào khu dân cư Ao Voi, vào 150m                | 2.500   |
| 10   | Rẽ vào Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm                                                       |         |
| 10.1 | Từ Quốc lộ 1B đến Nhà máy Nước sạch Đồng Bầm                                            | 2.500   |
| 10.2 | Đoạn còn lại rẽ đi các nhánh có đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ , vào 100m             | 2.300   |
| 11   | Rẽ theo hàng rào Công ty cổ phần Lâm sản Thái Nguyên, vào 150m                          | 2.500   |
| 12   | Rẽ theo hàng rào Công ty TNHH Thái Dương vào khu dân cư Ao Voi, vào 150m                | 2.300   |
| 13   | Các đường quy hoạch trong Khu đô thị Pienza Plaza Thái Nguyên (1)                       |         |
| 13.1 | Đường rộng 40,5m đoạn từ Quốc lộ 1B vào đến ô quy hoạch BTV 1.12                        | 7.000   |
| 13.2 | Đường rộng 22,5m                                                                        | 5.000   |
| 13.3 | Đường rộng 15,5m                                                                        | 4.500   |
| 13.4 | Đường rộng 12m                                                                          | 4.000   |
| 13.5 | Đường rộng 7m                                                                           | 3.500   |
| 14   | Các đường quy hoạch trong Khu đô thị Pienza Plaza Thái Nguyên (2)                       |         |
| 14.1 | Đường rộng 18,5m                                                                        | 4.700   |
| 14.2 | Đường rộng 15m                                                                          | 4.500   |
| 15   | Các đường quy hoạch trong Khu nhà ở Đồng Bầm (HUD)                                      |         |
| 15.1 | Đường rộng 19,5m                                                                        | 4.700   |
| 15.2 | Đường rộng 15,5m                                                                        | 4.000   |
| 16   | Đường Thanh niên (từ Quốc lộ 1B cũ đi gặp Quốc lộ 17)                                   | 3.600   |
| 16.1 | Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa Hang (ngõ số 2)                  | 2.000   |
| 16.2 | Từ đường Thanh niên nối công trình phục vụ lễ hội Chùa Hang (ngõ số 4)                  | 2.000   |
| 16.3 | Các tuyến rẽ từ đường Thanh niên vào 100m, đã đổ bê tông                                | 1.700   |
| 17   | Từ Quốc lộ 1B cũ nối với Quốc lộ 17 (269 cũ) đoạn cạnh đảo tròn Chùa Hang               | 6.000   |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                    | Mức giá |
|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 17.1          | Các nhánh rẽ trên đoạn Quốc lộ 1B cũ nối Quốc lộ 17 (cạnh đảo tròn Chùa Hang) vào 100m, đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ | 2.000   |
| 18            | Từ Quốc lộ 1B cũ nối với Quốc lộ 17, đoạn cạnh chợ Chùa Hang                                                             | 6.000   |
| 18.1          | Các nhánh rẽ trên đoạn Quốc lộ 1B cũ nối Quốc lộ 17 (đoạn cạnh chợ Chùa Hang) vào 100m, đường bê tông $\geq 2,5\text{m}$ | 2.000   |
| 19            | Từ Quốc lộ 1B cũ đi Trạm Y tế phường Đồng Bẩm (đến hết đất phường Chùa Hang)                                             | 2.500   |
| 20            | Trục đường từ Quốc lộ 1B cũ đến khu dân cư tập thể Lâm Sản                                                               |         |
| 20.1          | Từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Hỷ cũ                                                            | 2.500   |
| 20.2          | Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện Đồng Hỷ cũ vào hết đường quy hoạch khu dân cư tập thể Lâm Sản (trục chính)              | 2.000   |
| 21            | Từ Quốc lộ 1B cũ đi Trường Trung học cơ sở Đồng Bẩm (lối rẽ đối diện đường Thanh niên)                                   | 2.000   |
| 22            | Từ Quốc lộ 1B cũ đến hết Núi Phấn (lối rẽ đối diện đường vào khu Trung tâm Văn hóa Chùa Hang)                            | 2.000   |
| 23            | Từ Quốc lộ 1B cũ đến giáp đất sân bay Đồng Bẩm (lối rẽ đối diện Lò vôi)                                                  |         |
| 23.1          | Đoạn đường đổ bê tông                                                                                                    | 2.000   |
| 23.2          | Đoạn đường chưa đổ bê tông                                                                                               | 1.600   |
| 24            | Từ Quốc lộ 1B cũ rẽ cạnh Chi cục Thuế gặp Quốc lộ 17 (đường 379 cũ)                                                      |         |
| 24.1          | Từ Quốc lộ 1B cũ, vào 100m                                                                                               | 2.500   |
| 24.2          | Sau 100m đến cách Quốc lộ 17 (đường 379 cũ) 100m                                                                         | 1.600   |
| 25            | Các tuyến đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 1B cũ vào 100m (đường bê tông rộng $\geq 3\text{m}$ )                              | 2.000   |
| <b>LXXXI</b>  | <b>QUỐC LỘ 1B (MỚI) (Từ đảo tròn Tân Long qua cầu Cao Ngạn đến hết địa phận xã Cao Ngạn)</b>                             |         |
| 1             | Từ đảo tròn Tân Long + 1.000m                                                                                            | 4.200   |
| 2             | Sau 1.000m đến cầu Cao Ngạn                                                                                              | 3.300   |
| 3             | Từ cầu Cao Ngạn đến hết đất xã Cao Ngạn                                                                                  | 3.000   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                          |         |
| 1             | Rẽ đi xóm Gốc Vối                                                                                                        |         |
| 1.1           | Từ đường nối Quốc lộ 3 với Quốc lộ 1B, vào 150m                                                                          | 1.500   |
| 1.2           | Qua 150m đến ngã 3 Gốc Vối                                                                                               | 1.100   |
| 1.3           | Từ ngã 3 Gốc Vối đến cầu cáp Cao Ngạn                                                                                    | 1.000   |
| 1.4           | Từ ngã 3 Gốc Vối đến hết đất Tiểu đoàn 23 Quân khu I                                                                     | 1.000   |
| 2             | Rẽ qua xóm Thành Công gặp ngã tư đi Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn                                                     | 1.000   |
| 3             | Các nhánh rẽ còn lại có đường rộng $\geq 2,5\text{m}$ , vào 150m                                                         | 1.000   |
| <b>LXXXII</b> | <b>ĐƯỜNG ĐỒNG BẨM (Từ Quốc lộ 1B (cũ) qua sân bay gặp Quốc lộ 17)</b>                                                    |         |
| 1             | Từ trạm biến áp treo phường Chùa Hang đến trạm y tế phường Đồng Bẩm                                                      | 3.000   |
| 2             | Từ Trạm Y tế phường Đồng Bẩm đến ngã 4 Tân Thành 2                                                                       | 2.500   |

| STT            | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                                 | Mức giá |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 3              | Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến đến gặp Quốc lộ 17                                                                           | 2.000   |
|                | <b>Trục phụ</b>                                                                                                       |         |
| 1              | Rẽ theo hàng rào Trường Mầm non Đồng Bầm đến giáp đất phường Chùa Hang                                                | 2.400   |
| 2              | Các ngõ rẽ đi Nhà máy Nước Đồng Bầm có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$ , vào 100m                                       | 1.800   |
| 2.1            | Đoạn còn lại và các nhánh rẽ trên trục phụ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$                                           | 1.600   |
| 3              | Rẽ theo hàng rào Trạm Y tế phường Đồng Bầm đi sân bay và đi phường Chùa Hang, vào 100m về 2 phía                      | 1.800   |
| 4              | Từ ngã 4 Tân Thành 2 đi bến phà Văn Thánh, vào 150m                                                                   | 1.800   |
| 5              | Từ ngã 4 Tân Thành 2 đến Nhà Văn hóa Tân Thành 2                                                                      | 1.800   |
| 6              | Các nhánh rẽ còn lại trên đoạn từ ngã tư Tân Thành 2 đến gặp đường 269 cũ có mặt đường bê tông $\geq 2,5m$ , vào 100m | 1.500   |
| <b>LXXXIII</b> | <b>QUỐC LỘ 17</b>                                                                                                     |         |
| 1              | Từ Quốc lộ 1B đến cách đảo tròn Núi Voi 100m                                                                          | 2.000   |
| 2              | Đảo tròn Núi Voi + 100m về 2 phía                                                                                     | 3.600   |
| 3              | Từ qua đảo tròn Núi Voi 100m đến lối rẽ đường Thanh Niên                                                              | 3.000   |
| 4              | Từ đường rẽ đường Thanh Niên đến lối rẽ vào Chùa Hang                                                                 | 3.600   |
| 5              | Từ lối rẽ vào Chùa Hang đến cầu Đỏ                                                                                    | 6.000   |
| 6              | Từ cầu Linh Nham đi Linh Sơn 100m                                                                                     | 2.000   |
| 7              | Từ cách cầu Linh Nham 100m đến ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên)               | 1.500   |
| 8              | Từ ngã ba đường đi cầu treo Bến Oánh (giáp Trường Quân sự tỉnh Thái Nguyên) đến cầu Ngòi Chẹo                         | 1.700   |
| <b>LXXXIV</b>  | <b>TRỤC ĐƯỜNG: Đảo tròn Núi Voi đi Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn</b>                                               |         |
| 1              | Từ đảo tròn Núi Voi + 100 m                                                                                           | 3.600   |
| 2              | Qua đảo tròn Núi Voi 100m đi tiếp 100m                                                                                | 2.500   |
| 3              | Cách đảo tròn Núi Voi 200m đến hết đất phường Chùa Hang                                                               | 1.500   |
| 4              | Từ giáp đất phường Chùa Hang đến cổng Tiểu đoàn 13, Quân khu I                                                        | 2.300   |
| 5              | Từ cổng Tiểu đoàn 13, Quân khu I đến hết cổng Công ty cổ phần Xi măng Cao Ngạn                                        | 1.700   |
|                | <b>Trục phụ</b>                                                                                                       |         |
| 1              | Rẽ đi xóm Phúc Lộc vào 150m, đường bê tông $\geq 2,5m$                                                                | 1.100   |
| 2              | Rẽ đi xóm Phúc Thành, vào 150m (đường đất)                                                                            | 900     |
| 3              | Rẽ đi UBND xã Cao Ngạn đến hết đất Trường Tiểu học Cao Ngạn                                                           | 1.000   |
| 4              | Từ hết đất Trường Tiểu học Cao Ngạn đến Nhà Văn hóa xóm Cổ Rùa                                                        | 900     |
| 5              | Từ Nhà Văn hóa xóm Cổ Rùa đến giáp đất phường Chùa Hang                                                               | 1.000   |
| <b>LXXXV</b>   | <b>QUỐC LỘ 3 (CŨ) (Từ km76 đến hết đất xã Sơn Cẩm)</b>                                                                |         |
| 1              | Từ Km76, Quốc lộ 3 (giáp đất phường Tân Long) đến Km76 + 500                                                          | 5.400   |

| STT           | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                                           | Mức giá |
|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2             | Từ Km76 + 500 đến Km77 + 500                                                                                    | 4.560   |
| 3             | Từ Km77 + 500 đến Km78 + 200 (hết đất Sơn Cẩm)                                                                  | 3.800   |
|               | <b>Trục phụ</b>                                                                                                 |         |
| 1             | Từ Quốc lộ 3 (Km76 + 300) đi cầu Bến Giềng đến cổng cũ Trường Đào tạo mỏ, xã Sơn Cẩm                            |         |
| 1.1           | Từ Quốc lộ 3 (Km76 + 300) + 100 vào hết đất chợ Gốc Bàng                                                        | 3.800   |
| 1.2           | Sau 100m đến ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm                                                                         | 2.400   |
| 1.3           | Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm đến cầu Bến Giềng                                                                 | 1.800   |
| 1.4           | Từ ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm đến Trường Đào tạo mỏ                                                             | 1.800   |
| 1.5           | Nhánh rẽ từ ngã ba cổng Trường Đào tạo mỏ đến giáp bờ sông (cầu treo cũ)                                        | 1.200   |
| 1.6           | Từ ngã 3 gần cầu treo cũ đến cổng cũ Trường Cao đẳng Công nghiệp Thái Nguyên                                    | 1.000   |
| 2             | Từ Quốc lộ 3 (Km76 + 600, trạm kiểm lâm) đến ngã ba đường rẽ Bến Giềng (ngã ba sau UBND xã Sơn Cẩm)             | 2.500   |
| 3             | Quốc lộ 3 cũ (đoạn nắn Quốc lộ 3)                                                                               | 3.800   |
| 4             | Từ Quốc lộ 3 đến cầu Trắng 2 (đường đi Trại giam Phú Sơn 4)                                                     |         |
| 4.1           | Từ Quốc lộ 3 + 450m (đến cầu Trắng 1)                                                                           | 2.600   |
| 4.2           | Từ cầu Trắng 1 đến ngã 3 xi măng                                                                                | 2.400   |
| 4.3           | Từ ngã 3 xi măng đến cầu Trắng 2                                                                                | 2.000   |
| 5             | Từ Quốc lộ 3 đến Trường Tiểu học Sơn Cẩm I                                                                      | 2.600   |
| 6             | Từ Quốc lộ 3, vào 150m đi kho gạo cũ                                                                            | 1.800   |
| 7             | Từ Quốc lộ 3 đi đồi Đa (giáp phường Tân Long)                                                                   | 1.300   |
| 8             | Từ Quốc lộ 3 đến cổng Công ty may Phú Lương                                                                     | 1.300   |
| <b>LXXXVI</b> | <b>CÁC TRỤC ĐƯỜNG KHÁC THUỘC PHƯỜNG CHÙA HANG</b>                                                               |         |
| 1             | Đường Hữu nghị phường Chùa Hang (toàn tuyến)                                                                    | 2.000   |
| 2             | Từ đảo tròn Núi Voi rẽ vào Trạm xá Núi Voi                                                                      | 1.700   |
| 3             | Trục đường rẽ từ đảo tròn Chùa Hang, vào 100m đi nghĩa trang Ấp Thái                                            | 2.000   |
| 4             | Các tuyến đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 17 (đường 269 cũ), vào 100m (đã được đổ bê tông, đường rộng $\geq 2,5m$ ) | 2.000   |
| 5             | Từ Quốc lộ 17 (đường 379 cũ) đến cổng Chùa Hang                                                                 | 3.600   |
| 6             | Các tuyến đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 17 (đường 379 cũ), vào 100m (đã được đổ bê tông, đường rộng $\geq 2,5m$ ) | 1.600   |
| 7             | Các tuyến đường rẽ còn lại từ Quốc lộ 17, vào 100m (chưa được đổ bê tông, có mặt đường $\geq 2,5m$ )            | 1.500   |
| 8             | Các đường trong khu quy hoạch Lâm trường Đồng Phú (sau Nhà Văn hóa tổ 2, 3 cũ)                                  | 1.700   |
| 9             | Các đường trong khu quy hoạch Mỏ đá Núi Voi                                                                     | 1.600   |
| 10            | Các tuyến đường rẽ trên trục đường từ Quốc lộ 1B cũ đi khu tập thể Lâm sản                                      |         |
| 10.1          | Các nhánh rẽ trên trục đường từ Quốc lộ 1B cũ đến cổng Trung tâm Dạy                                            | 1.700   |

| STT             | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                                          | Mức giá |
|-----------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|                 | nghe huyện Đồng Hỷ cũ, vào 200m                                                                |         |
| 10.2            | Các đường nhánh còn lại trong khu dân cư tổ 5 cũ, khu Đá xẻ                                    | 1.600   |
| 11              | Đường đôi - công trình phục vụ lễ hội Chùa Hang                                                | 3.000   |
| 12              | Đường quy hoạch trong khu dân cư tổ 7 cũ                                                       | 2.500   |
| 13              | Đường trong khu dân cư tổ 23 cũ, đoạn từ Quốc lộ 17 rẽ vào đến cổng Trường tiểu học Núi Voi    | 1.600   |
| 14              | Các trục đường bê tông, nhựa còn lại thuộc phường Chùa Hang, mặt đường $\geq 2,5\text{m}$      | 1.500   |
| 15              | Các trục đường còn lại chưa bê tông, nhựa thuộc phường Chùa Hang, mặt đường $\geq 3,0\text{m}$ | 1.400   |
| <b>LXXXVII</b>  | <b>QUỐC LỘ 3 MỚI (Từ Quốc lộ 3 cũ đến hết đất xã Sơn Cẩm)</b>                                  |         |
| 1               | Từ nút giao với Quốc lộ 3 cũ đến Km71+220                                                      | 4.800   |
| 2               | Từ Km71+220 đến Km72+930                                                                       | 3.600   |
| 3               | Từ Km72+930 đến Km75+200 (hết đất xã Sơn Cẩm)                                                  | 2.400   |
| <b>LXXXVIII</b> | <b>XÃ LINH SƠN</b>                                                                             |         |
| 1               | Từ Quốc lộ 17 đến cầu treo Bến Oánh (cả 2 nhánh)                                               | 1.100   |
| 2               | Từ ngã ba Hùng Vương đến cầu phao Ngọc Lâm                                                     | 800     |
| 3               | Các đường rẽ từ Quốc lộ 17, vào 200m bê tông hoặc nhựa rộng $\geq 2,5\text{m}$                 | 800     |
| 4               | Các đường rẽ từ Quốc lộ 17, vào 200m đường đất rộng $\geq 3,0\text{m}$                         | 800     |
| 5               | Các đường trong khu tái định cư số 1                                                           | 800     |
| 6               | Các đường trong khu tái định cư số 4                                                           | 1.000   |
| <b>LXXXIX</b>   | <b>XÃ HUỐNG THƯỢNG</b>                                                                         |         |
| 1               | Từ cầu treo xã Huống Thượng đến ngã tư xóm Hóc                                                 | 1.100   |
| 2               | Từ ngã tư xóm Hóc đến hết đất xã Huống Thượng (giáp đất xã Nam Hòa)                            | 1.000   |
| 3               | Từ ngã tư xóm Hóc đến cầu treo xóm Sộp                                                         | 800     |
| 4               | Từ cầu phao xóm Huống Trung đến đội 18 xóm Huống Trung (đường đi sang xã Linh Sơn)             | 800     |
| 5               | Từ cổng làng xóm Trám đi xóm Huống Trung                                                       | 800     |
| 6               | Từ cầu treo Huống Thượng đi xóm Cây (toàn Tuyến)                                               | 800     |
| 7               | Từ cổng làng xóm Bầu đến Nhà Văn hóa xóm Bầu                                                   | 800     |
| 8               | Từ UBND xã Huống Thượng đi Trường Dạy nghề Quân khu I (hết đất xã Huống Thượng)                | 800     |
| <b>XC</b>       | <b>XÃ ĐỒNG LIÊN</b>                                                                            |         |
| 1               | Đường bờ đê sông Đào, địa phận xã Đồng Liên                                                    |         |
| 1.1             | Từ đầu cầu Trắng (Đồng Vỹ) đi xuôi, đi ngược dòng Sông Đào 100m                                | 800     |
| 1.2             | Từ cổng UBND xã Đồng Liên đi xuôi và đi ngược dòng sông Đào 100m                               | 1.100   |
| 1.3             | Từ kè Đá Gân đi xuôi và đi ngược dòng sông Đào 100m                                            | 1.400   |
| 1.4             | Các đoạn còn lại                                                                               | 800     |

| STT        | TRỤC ĐƯỜNG GIAO THÔNG                                                              | Mức giá |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 2          | Từ bờ đê sông Đào đi đến đầu cầu treo Đồng Liên - Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên | 800     |
| 3          | Từ cầu Bằng Trung tâm xã Đồng Liên (+) 200m đi xã Bàn Đạt                          | 900     |
| 4          | Từ kè đá Gân đi xã Bàn Đạt (đến hết đất xã Đồng Liên)                              | 800     |
| 5          | Từ Kè Đá Gân đi xóm Đồng Ao, Đồng Tân, Trà Viên                                    | 800     |
| <b>XCI</b> | <b>XÃ SƠN CẨM</b>                                                                  |         |
| 1          | Đường trong khu tái định cư xã Sơn Cẩm                                             | 4.300   |
| 2          | Từ ngã ba cổng Trường Tiểu học Tân Long đến cổng cũ Trường Cao đẳng Công nghiệp    | 2.300   |
| 3          | Từ ngã ba cổng Trường tiểu học Tân Long + 200m đi xí nghiệp gạch Tân Long          | 1.700   |
| 4          | Từ ngã ba Văn phòng mỏ đến cổng Trường phổ thông trung học Khánh Hòa               | 2.500   |
| 5          | Nhánh rẽ Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên                                    |         |
| 5.1        | Từ ngã ba rẽ Trại tạm giam đi 200m về phía Trại tạm giam Công an Tỉnh Thái Nguyên  | 1.200   |
| 5.2        | Từ qua ngã ba rẽ Trại tạm giam 200m đến Trại tạm giam Công an tỉnh                 | 1.000   |
| 5.3        | Đường trong khu tái định cư xóm Sơn Cẩm, xã Sơn Cẩm                                | 2.000   |
| 6          | Đường Sơn Cẩm - Vô Tranh                                                           |         |
| 6.1        | Từ cầu Bến Giềng đến ngã ba Quang Trung 2                                          | 1.200   |
| 6.2        | Từ ngã ba Quang Trung 2 đến hết sân bóng xóm Hiệp Lực                              | 1.100   |
| 6.3        | Từ giáp sân bóng xóm Hiệp Lực đến ngã ba xóm Thanh Trà 1                           | 1.050   |
| 6.4        | Từ ngã ba xóm Thanh Trà 1 đến cầu Khe Húng (giáp đất xã Vô Tranh)                  | 1.000   |
| 7          | Đường Sơn Cẩm đi xã Phúc Hà (thành phố Thái Nguyên) và xã An Khánh (huyện Đại Từ)  |         |
| 7.1        | Từ Quốc lộ 3 đến gặp đường sắt                                                     | 4.000   |
| 7.2        | Từ đường sắt đến ngã ba rẽ trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên                  | 3.200   |
| 7.3        | Từ ngã ba rẽ trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên đến ngã tư Chợ Mỏ cũ           | 2.600   |
| 7.4        | Từ ngã tư Chợ Mỏ cũ + 200m đi 3 phía                                               | 2.000   |
| 7.5        | Từ cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m đến cầu Sắt (đi xã An Khánh)                         | 1.300   |
| 7.6        | Từ cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m đến cầu Treo (đi xã Phúc Hà)                         | 1.300   |
| 7.7        | Từ cách ngã tư Chợ Mỏ cũ 200m đến cầu Mười Thước (đi phường Tân Long)              | 1.300   |

**2. Giá đất ở tại đô thị nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>*

| Tên đơn vị hành chính                                                            | Mức giá |        |        |        |
|----------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|--------|--------|
|                                                                                  | Loại 1  | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 |
| Các phường: Hoàng Văn Thụ, Phan Đình Phùng, Trưng Vương, Đồng Quang, Quang Trung | 1.700   | 1.600  | 1.500  | 1.300  |

|                                                                                                                       |       |       |       |       |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Các phường: Gia Sàng, Túc Duyên, Tân Thịnh, Thịnh Đán, Chùa Hang, Đồng Bẩm                                            | 1.400 | 1.300 | 1.200 | 1.000 |
| Các phường: Cam Giá, Hương Sơn, Phú Xá, Quan Triều, Quang Vinh, Tân Lập, Tân Long, Tân Thành, Tích Lương, Trung Thành | 1.000 | 900   | 800   | 700   |

**3. Giá đất ở tại nông thôn nằm ngoài các trục đường giao thông đã có trong bảng tại điểm 1 nêu trên thì áp dụng bảng sau**

*Đơn vị tính: Nghìn đồng/m<sup>2</sup>*

| Tên đơn vị hành chính                                                                                    | Mức giá |        |        |        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|--------|--------|--------|
|                                                                                                          | Loại 1  | Loại 2 | Loại 3 | Loại 4 |
| Các xã: Quyết Thắng, Sơn Cẩm                                                                             | 1.000   | 900    | 800    | 700    |
| Các xã: Cao Ngạn, Phúc Hà, Phúc Trìu, Phúc Xuân, Tân Cương, Thịnh Đức, Linh Sơn, Huống Thượng, Đồng Liên | 800     | 700    | 600    | 500    |